Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

***

Chữ và nghĩa

Chất phác – Gốc viết là *phác chất*, nay quen viết ngược lại cũng không đổi làm gì.

"Phác" là *cây gỗ mộc*.
"Chất" nghĩa *bản chất.*

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

Chuốc chuốc

Chuốc chuốc – Bên Tầu có giống chim đỗ quyên, đỗ vũ, tử quy.
Ở nước ta, có một thứ chim cứ đến mùa hè kêu cả đêm rồi chết rạc, người Bắc gọi là *chim cuốc*.
Người Trung gọi là *chuốc chuốc*.

(Tôn Thất Lương – Xuân Mộng)

Lầu xanh, lầu hồng

Sau này lầu hồng cũng bị trở thành *maison des chanteuses* (*nhà chứa con hát*), và sau cùng là "nhà chứa đĩ."
Nhà chứa đĩ thời Tây được gọi là *nhà đỏ, nhà thổ*. Chữ *"thổ"* không phải là chữ Hán, cũng không phải là chữ Việt. Thổ là âm của tiếng Pháp *tolérance* (cũng như chữ "*thổ mộ*" là âm của *tombereau*). Nhà thổ tức là *maison de tolérance* (nhà chứa đĩ) của Pháp.
Xã hội ta thích ứng thật nhanh chóng với mọi hoàn cảnh!
Vị Xuyên có Tú Xương
Dở dở lại ương ương
Cao lâu thường ăn quỵt
Thổ đĩ lại chơi lường.

Tú Xương đã nắm bắt được chuyển biến của xã hội đương thời, đưa một dịch vụ ăn khách là *thổ đĩ vào văn học.*

(Xướng ca vô loài – Nguyễn Dư)

Bạn vong niên

Câu này bị hiểu lầm là bạn thâm căn cố đế, tức "bạn lâu đời".

Nhưng chữ "vong" đây nghĩa là "*quên*". "Bạn vong niên" chơi với nhau hiểu là "bạn bè chơi với nhau không kể tuổi tác, lớn bé.
Hãy *quên* đi tuổi tác của nhau".

(Duy Lý – báo Tự Do)

Am là gì?

Hiện được coi là một kiến trúc nhỏ thờ Phật. Gốc của am từ Trung Hoa, được mô tả như ngôi nhà nhỏ, lợp lá, dùng làm *nơi ở của con cái chịu tang cha mẹ* . Sau đổi kết cấu với mái tròn, lợp lá, làm *nơi ở và nơi đọc sách của văn nhân*. Từ đời Đường, am là *nơi tu hành và thờ Phật của ni cô đặt trong vườn nhà.* Với người Việt, am là nơi thờ Phật cũng có khi am là ngôi miếu nhỏ thờ thần linh của xóm làng. Vào thế kỷ XV (thời Lê sơ) là nơi ở tĩnh mịch để đọc sách làm thơ của văn nhân.

(Khuyết danh)

Tổng

Trong *Phủ biên tạp lục* (PBTL, 1977: 44), Lê Quý Đôn viết: Vua LêThánh Tông đã lập ra *tổng* vào năm 1490 khi ông "định lại bản đồ trong nước". Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn ghi: Cha của Trịnh Khả (sinh năm 1403?), môt đại công thần của Lê Lợi, từng làm *chánh tổng* (1978: 207). Điều cần nói ngay là vào thời Lê Quý Đôn *người cầm đầu một tổng* được gọi là *cai tổng* chứ không phải *chánh tổng vì từ này chỉ được dùng từ đời Minh Mạng* (1820).

Từ điển Alexandre de Rhodes, xuất bản ở Roma năm 1651, *tổng được định nghĩa là "gồm chừng mười làng"* và cai tổng là "ông quan cai trị mười làng".
Giữa *tổng* và xã do vua Trần Thái Tông đặt ra vào năm 1242, *tổng cai trị ba bốn xã* (ĐVSKTT, II: 17);

(Làng xã Việt Nam – Nguyễn Tùng)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Tiểu thuyết hư cấu lịch sử"

Con đường thiên lý – Nguyễn Hiến Lê - 1

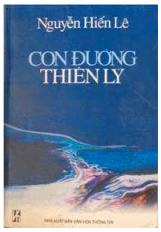

Nguyễn Hiến Lê (1912–1984) quê ở huyện Ba Vì, phủ Quảng Oai, Sơn Tây. Ông Xuất thân từ một gia đình nhà Nho, học tại trường Bưởi.Hà Nội. Năm 1934, ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Công chính rồi vào làm việc tại các tỉnh miền tây miền Nam
Năm 1945, ông thôi làm, đi dạy học ở Long Xuyên. Năm 1952 chuyển lên Sài Gòn mở nhà xuất bản và biên dịch sách, sáng tác nhiều lĩnh vực khác nhau như ngữ học, triết học, lịch sử, du ký.
Có thể vì ông lưu lạc ở các tỉnh miền tây, với lịch sử, du ký nên ông viết truyện miền Viễn Tây chăng? Thế nhưng khác với Phan Trần Chúc, truyện "Con đường thiên lý" của Nguyễn Hiến Lê dựa vào *chuyện có thật*.

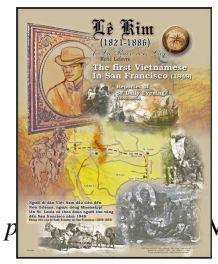

"…Ông Trần Trọng Khiêm, quê ở Định Tường từ năm 1855, đời vua Tự Đức (cùng đời vua với Bùi Viện). Năm 20 tuổi, vợ ông bị viên chánh tổng cưỡng hiếp rồi bức tử nên ông giết viên chánh tổng. Và cũng như Bùi Viện, ông theo tàu buôn sang Hương Cảng rồi qua Mỹ năm 1849.

Cuối cùng sang tận Mỹ quốc theo một đòan tìm vàng về Miền Viễn Tây, ông đổi tên là Kim Lee (sách La Ruée Vers L'or viết chuyện Kim Lee), chuyện đi tìm vàng đầy hiểm nguy gian khổ, đánh nhau với mọi da đỏ và tới San Francisco. Đến thị trấn mới, Lee Kim được thuê làm cho tờ Daily Evening, ông có hai bài báo viết cho tờ Daily Evening nay còn lưu giữ ở thư viện San Francisco (báo đề ngày 19-2-1850 và ngày 8-11-1853) .

Họ Mạc đổi họ

Năm 1600, Trịnh Tùng chiếm lại Thăng Long, bắt được Mạc Hậu Hợp treo sống 3 ngày mới đem xử trảm, lấy đinh đóng vào hai mắt, rồi đem thủ cấp nộp cho vua Lê.
Dòng họ Mạc quá sợ hãi phải chạy trốn để khỏi bị trừ khử, phải đổi họ bằng cách "khử túc bất khử thủ" là lấy họ khác ghi thêm "bộ thảo" trên đầu để dánh dấu nhận ra nhau.
Từ một họ Mạc đổi ra 37 họ khác bằng cách "khử túc bất khử thủ" là lấy họ khác ghi thêm "bộ thảo" trên đầu để dánh dấu nhận ra nhau như họ Bùi, Hoàng, Lê, Nguyễn, Phạm, Phan, Vũ….Phụ thêm đổi theo họ mẹ hay bố nuôi, cho đến nay họ Mạc có hơn 200 hệ, chi, phái (như họ Cao, Đào, Đình, Đoàn, Phúc, Thái, Tô…).

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Tiểu thuyết hư cấu lịch sử"

Con đường thiên lý – Nguyễn Hiến Lê - 2

Sau ông trở về làng Hòa An, Định Tường, lập gia đình và có hai con. (Lê Xuân Lưu cháu nội Kim Lee cung cấp tài liệu cho Nguyễn Hiến Lê viết truyện "Con đường thiên lý"). Như vậy Kim Le đã đến Mỹ (1849) trước Bùi Viện 24 năm. Vì theo nhà biên khảo Thái Văn Kiểm dựa vào chuyện của Phan Trần Chúc viết truyện Bùi Viện nhận lệnh Tự Đức qua Hồng Kông tới San Francisco, được Tổng thống "Simpson Grant" tiếp kiến vào khoảng năm 1873.

Thế nhưng có hai chuyện: Một là tác giả Trần Giao Thủy viết bài biên khảo với những chi tiết thời gian mâu thuẫn nên chuyện của Phan Trần Chúc là…hòan tòan hư cấu. Vậy mà qua hai kỳ hiệu đính bài viết của mình, ông Thái Văn Kiểm vẫn im lặng. Hai là khác với ông Thái Văn Kiểm, trong *Đời viết văn của tôi,* ông Nguyễn Hiến Lê thổ lộ:
"…Tôi dùng hồi ký (viết tại Long Xuyên, ngày 12-9-1980) của tôi về cuộc tìm vàng ở miền Tây nước Mỹ giữa thế kỷ trước *để tạo ra nhân vật không có thật là Lê Kim.* Để dựng lên *chuyện không có thật về người Việt đầu tiên trôi nổi qua Mỹ,* theo một đoàn tìm vàng. Khi tìm được rồi thì chán. Chán rồi thì trở về Nam Việt lập gia đình, khai hoang trong Đồng Tháp Mười…".

Bên lề chữ nghĩa

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Những người của hai lên đường làm mới văn học nói trên, đến nay tuy đã mấy chục năm, nhưng với phần lớn tôi đều giữ được những kỷ niệm về lần đầu gặp mặt. Kỷ niệm với mỗi người mỗi khác. *Thanh Tâm Tuyền, căn gác xép ám khói ở toà soạn Dân Chủ, hắn hỏi xin một điếu thuốc và tôi tưởng hắn là thợ sắp chữ*.
Nguyên Sa cái mũ trắng thầy giáo, lần đầu tới Sáng Tạo, gọi tôi vào phòng trong dậy một điệu nhảy swing. *Cái áo thun cũ, cái quần sà lỏn* của Doãn Quốc Sĩ, bữa ăn trưa đãi tôi ở Đại Học Xá. Cung Trầm Tưởng, *cái cà-vạt đỏ chói, tóc đỏm dáng từng sợi. Viên Linh mặt mày cau có giận dữ vì đến đưa thơ tôi còn ngủ vùi, cửa toà báo treo tấm biển đi vắng*. Trần Thanh Hiệp không nhìn lên, vùi đầu vào cuốn tự điển to gấp hai người Hiệp. Quách Thoại, cái anh chàng ngất ngưởng ở tiệm ăn Thanh Thế, lần gặp đầu đã tự nhận là vua thơ một thời.

Nhưng kỷ niệm về lần thấy đầu, với *Dương Nghiễm Mậu là vô tình và lý thú nhất,* sau này kể chuyện lại, anh em cười lớn với nhau.
Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé thăm Trần Phong Giao. Bạn đang cắm cúi làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gởi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. *Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy* là một bản thảo truyện ngắn. Tôi đọc mấy dòng đầu, giật mình *vì lối vào truyện mạnh dạn, mới lạ,* khác biệt hẳn với lối vào truyện vòng vo ngập ngừng thường thấy ở những người viết mới.

Đọc tiếp mấy trang nữa; tôi hỏi Trần Phong Giao: "Bỏ đi tất cả đây à?" Bạn không ngửng đầu lên: "Ừ, đã đọc rồi bỏ không đăng" - "Moi lấy đi được không?" - "Để làm gì vậy?", Trần Phong Giao ngạc nhiên hỏi. "Mặc moi" tôi nói, và cất cẩn thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về *đăng ngay nó và nguyên văn không sửa một cái dấu phẩy* trên tờ Sáng Tạo số đang làm. Bạn tôi, chỉ thấy giá trị những tác giả đã thành danh, không thấy những hạt ngọc lóng lánh lăn ra từ những cõi viết còn vô danh chưa tên tuổi đã liệng đi cái hạt ngọc văn xuôi ấy là truyện ngắn *Rượu chưa đủ*, truyện đầu tay của một người trẻ tuổi mới viết văn bấy giờ là Dương Nghiễm Mậu. Hạt ngọc bị vất bỏ ấy và tôi đã tình cờ lượm được, đúng là một hạt ngọc. Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện chỉ nhớ cái chàng nào đó với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở *Rượu chưa đủ* một đoạn văn kết thúc tuyệt hay.

Đoạn văn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố, không có một đồng xu nhỏ. Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, người anh dẫn em vào một công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi quê hương, thầm nghĩ hai anh em trơ trọi giữa đời, thôi bầy trò chơi đắp hình, sông núi với em, để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp buồn rầu, một ý niệm về điểm tựa, về nguồn gốc. Thật là chửng chạc và cũng thật là cảm động.

Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu.

(Mai Thảo)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn hết phố ăn vặt ở ngõ Đồng Xuân

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Người vợ của Bùi Giáng - 1

"Bỏ qua chuyện cũ" là chuyện gì? Đó là một chuyện hết sức tức cười và trẻ con. Ông Bùi Luân tiết lộ: "Cô con dâu đứng bên bà mẹ chồng sụt sùi: Anh cho con *ăn toàn khoai lang và rau luộc.* Anh không cho con *mua cá mua thịt*…". Thì ra, Bùi Giáng…*ăn chay*. Ông hiểu thế nào đó về ẩm thực dưỡng sinh, nên chỉ thuận cho cô vợ ăn rau cải, củ quả mà không cho phép bà ăn gà, bò - hai món thịt ngon nhất của vùng Trung Phước.

Người vợ qua đời năm 1948 khi Bùi Giáng vắng nhà. Ông Bùi Luân viết tiếp: "Phút lâm chung, chị không thấy mặt chồng… Tôi chỉ biết là anh có mặt vào phút chót của buổi tiễn đưa chị về nơi an nghỉ cuối cùng - anh đứng bên cạnh chiếc quan tài với vành khăn trắng trên đầu".

Bùi Giáng yêu vợ nhưng vẫn muốn…bỏ nhà đi chơi. Cũng bình thường như bao nhiêu người đàn ông Quảng Nam lãng mạn khi xa vợ, Bùi Giáng có thể gặp gỡ những người phụ nữ khác và nhận ra họ vượt trội vợ ông về một vài phương diện nào đó. Thế nhưng, tình yêu và nỗi xót xa dành cho người vợ ở quê nhà thì rất đỗi mặn mà, vô cùng tha thiết:
Mình ơi, tôi gọi bằng nhà
Nhà ơi, tôi gọi mình là nhà tôi

(Vũ Đức Sao Biển)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ khóc là sầu..
Nhiều khi nhỏ lệ mà vui trong lòng

(Bùi Giáng)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Người vợ của Bùi Giáng - 2

Hai năm sau cái chết của người vợ trẻ, ông dẫn một bầy dê lên Nông Sơn chăn thả, ngao du qua những đồi núi, suối khe mơ màng để nhớ thương vợ. Hai năm sau đó nữa, ông gửi bầy dê lại cho… chuồn chuồn và châu chấu, bỏ quê nhà đi chơi tiếp. Ở đâu, ông cũng phục hiện những hình ảnh yêu dấu xưa. Bài thơ nhớ vợ có một không khí rất đỗi bi ai, tràn đầy hoài cảm:

Nhớ vợ

“Em chết bên bờ lúa.
Để lại trên lối mòn.
Một dấu chân bước của.
Một bàn chân bé con!

Anh qua trời cao nguyên.
Nhìn mây buồn bữa nọ.
Gió cuồng mưa khóc điên.
Trăng cuồng khuya trốn gió.

Mười năm sau xuống ruộng.
Đếm lại lúa bờ liền.
Máu trong mình mòn ruỗng.
Xương trong mình rả riêng.

Anh đi về đô hội.
Ngắm phố thị mơ màng.
Anh vùi thân trong tội lỗi.
Chợt đêm nào, gió bờ nọ bay sang”.

Bùi Giáng bỏ cố quận ra đi biền biệt. Ra đi nhưng ông vẫn nhớ, đến tha thiết não nùng. Nhớ nhưng ông không dám trở về bởi nơi nào ở cố quận cũng nhắc ông nghĩ đến tình yêu của người vợ khổ. Lắm khi ở phương xa, ông nhớ cố quận. Qua mấy mươi năm, hình ảnh người vợ trẻ, hiền ngoan ấy vẫn sống trong lòng ông. Ông uống trà giữa Sài Gòn mà hình ảnh của bà ngày xưa ở Quảng Nam như hiển hiện trước mắt:
Trung niên thi sĩ uống trà.

Thưa em mọi nhỏ, em đà uống chưa

(Vũ Đức Sao Biển)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Vũ Huyến

Biến cố tháng Tư 75 đẩy Vũ Huyến với tôi gần nhau hơn nữa. Chúng tôi cùng nằm chung một chiếu, ở chung một lều / phòng, ăn chung một bàn, đi chung một tầu biển, một máy bay từ Sài Gòn ra Phú Quốc, đến Tent City ở Guam, đến IndianTown Gap ở Pennsylvania, rồi Virginia Beach rồi Hollywood.

Tôi có người anh ruột tên là Lê Báu, cố chuẩn úy - tử trận năm 1966. Hồi còn là học sinh, Báu thích hát bài *Cô Hàng Nước* của Vũ Minh. Sau này tôi mới biết là *Vũ Huyến viết bài này khoảng thập niên 50* và ghép họ mình và tên người vợ lúc đó là ca sĩ Minh Hoan làm tác giả bài hát. Ở trong trại tị nạn, Vũ Huyến cầm cây đàn ghi ta đi mượn lên rồi bắt đầu viết nhạc lại sau ít nhất là 20 năm từ *Cô Hàng Nước*. Những bản nhạc anh sáng tác trong trại làm tôi gần anh nhiều hơn. Có lẽ bài tôi thích nhất là "Tiếng Sầu", Đời người có mấy lần vui Hay đời người đầy những ngậm ngùi u sầu… được thâu bằng máy cassette trong một căn phòng ở barracks, chăn len treo trên tường để tạo nên accoustic effect, với tiếng hát Tuyết Hằng và tiếng đàn Tây Ban Cầm của nhạc sĩ Lê Gia Thầm. Vũ Huyến viết được khoảng 10-12 bài. Tầu đã chặt dây, rẽ sóng ra khơi, biệt ly từ đây, quê hương còn đấy, nhưng bao giờ quay về…v…v…

Vũ Huyến ở với gia dình tôi tại Virginia Beach một thời gian rồi sang California, ở San Francisco, rồi xuống Los Angeles, hợp với nhạc sĩ dương cầm Hồ Xuân Mai và một số anh em khác lập một ban nhạc combo, có lẽ cũng là ban nhạc đầu tiên của người Việt tại Mỹ, chơi hằng đêm tại khách sạn Roosevelt ngay trong lòng Hollywood. Ban ngày anh đi làm ở USCC với các anh Jo Marcel, Lê Quỳnh, Nam Lộc, Ngô Văn Quy và chị Kiều Chinh. *Một thời gian sau đó, ban AVT hải ngoại được tái thành hình với Vũ Huyến, Lữ Liên và Ngọc Bích, sau này là Trường Duy.*

Ngày 3 tháng 11, Vũ Huyến từ trần tại Glendale. Lễ an táng cử hành vào ngày 7-11-1995 tại San Fernando Valley California. Rất nhiều nghệ sĩ đến dự tang lễ của anh.

(Lê Tuấn)

Chữ nghĩa làng văn

Nếu muốn viết một cuốn sách hay anh phải thật sự vô tư với chính anh và *đừng chiều theo đám đông độc giả* kia. Anh phải *tạo dựng cho độc giả cái mà họ phải đọc chứ không phải chỉ mang đến cho họ cái mà họ muốn đọc*.

Đó là hai công việc hoàn toàn khác nhau.

(Nguyễn Hưng Quốc?)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Thú đau thương không còn nữa – Dương Kiền

Ngày 17-11-2015. *Lòng đau đem lại cái tin cuối mùa.* Tin buồn Phùng Nguyễn *Da Màu* ra đi còn đậm dư âm, lại thêm tin buồn Dương Kiền *Thú đau thương* ra đi tiếp nối.

Dương Kiền là bạn của anh tôi, nhà khảo luận - phê bình văn học Nguyễn Nhật Duật. Ông viết những gì quả thật tôi không nhớ rõ, nhưng tôi biết Dương Kiền không phải cây bút loại thường. *Thú đau thương,* một thi tập hay một tác phẩm kịch thơ, nhiều người nhắc nhớ mỗi khi nhắc nhớ Dương Kiền. Ông xuất hiện thường xuyên trên tạp chí *Văn Học* ở Sài Gòn một thời, và trợ giúp tờ báo này gần như vai trò một chủ bút. Ông là biện lý hay thẩm phán tại Tòa án quân sự ở Nha Trang, trước 30 tháng tư, 1975.
Tuy nhiên tôi biết về ông rất nhiều, tôi là bạn cùng khóa 2/69 Trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức với em ông, Dương Phục. Ra trường, Dương Phục làm phóng viên tại Đài phát thanh quân đội. Tôi lặn lội khắp chiến trường Vùng 1 chiến thuật, cuối cùng về Phòng văn nghệ, sát bên Đài phát thanh quân đội,.Dương Phục và tôi lại gặp nhau hằng ngày, tôi biết tin về Dương Kiền gián cách, qua Dương Phục. Tôi thấy rõ như sờ nắm được, Dương Kiền và *Thú Đau Thương* là một, là gắn kết hữu cơ.

Đấy là gương mặt một thi sĩ mà tôi có thể tưởng tượng. Đấy là lần duy nhất tôi gặp ông ở quán cà-phê Hồng trên đường Pasteur, đối diện Viện Pasteur - Sài Gòn. Ông ngồi trầm lặng, bàn tay nắm chặt ly cà-phê đá; tôi nhớ hoạ phẩm *Portrait de Poète Sabartés* của Picasso, tôi gọi ông là thi sĩ từ lúc đó.

(Nguyễn Đạt)

Chữ nghĩa làng văn

Theo tôi, môi trường phê bình hiện nay vẫn còn yếu kém. Đa phần phê bình tác phẩm hoặc *dựa trên cảm tính*, hoặc viết về tác giả, hoặc *bàn chuyện ngoài lề hơn là đi sâu vào văn bản.*
Riêng với tác phẩm của tôi, độc giả chê hoặc khen đều cực đoan. Nghĩa là ai thích rất thích hoặc ai ghét rất ghét, không ở lưng chừng. Những tác phẩm của tôi đa phần được giới phê bình quan tâm. Một số độc giả cho biết tác phẩm của tôi khó hiểu, muốn hiểu được thì phải đọc kỹ 2-3 lần, mỗi lần đọc lại khám phá ra điều thú vị và mới mẻ.

Một số khác nhận xét tôi viết táo bạo quá! Thật ra, khi viết bao giờ tôi cũng *cố gắng với cao, vượt lên trên khả năng, sức lực của tôi rất nhiều.* Vì thế người đọc cũng phải với lên để thưởng ngoạn tác phẩm của tôi. *Tôi viết không phải để làm vừa lòng độc giả.*

(Lê thị Thâm Vấn)

Nói lái trong nước

Các cô thích anh…*chàng ngông*
Không thích anh…*chồng ngang.*

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Đoàn Kế Tường & Đoàn Thạch Hãn

Nhà xuất bản Người Việt giới thiệu tập Ký (xuất bản năm 2018) của Đinh Anh Quang Thái "như nén hương lòng thắp tạ những nhân vật của một thời": Hồ Hữu Tường, Nguyễn Tất Nhiên, Như Phong Lê Văn Tiến, Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Chí Thiện, Đoàn Kế Tường, v…v …Tôi quen (hoặc biết) tất cả những tên tuổi vừa kể, trừ Đoàn Kế Tường. Xem *Ký Đinh Anh Quang Thái* xong, tôi mới biết là mình hơi nông nỗi. Đoàn Kế Tường không chỉ viết văn, viết báo mà còn là một nhà thơ với nhiều tác phẩm đã xuất bản từ lâu ở miền Nam: *Mùa Hoa Phượng* (thơ, 1971), *Ngày Dài Trên Quê Hương* (ký, 1972) và *Lòng Ta Lá Rụng Ven Đường* (thơ, 1974)

Ông đã từng trải qua một kiếp nhân sinh với không ít nhọc nhằn, và lắm nỗi đắng cay:

Đoàn Kế Tường là một trong số tù nhân chính trị bị bắt sớm nhất, sau khi cộng sản chiếm miền Nam năm 1975. Anh bị bắt năm 1976, vì tham gia tổ chức phục quốc. Một tội nữa: *Trước 75, từng viết nhiều bài phóng sự chiến trường ca ngợi quân đội VNCH*.

(Tưởng Năng Tiến)

Nói lái trong nước

Đàn ông có người…*trên răng dưới dế*
và có người…*trên dê dưới răng*

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Vũ Đức Sao Biển

Hai hình ảnh mà Vũ Đức Sao Biển yêu nhất có lẽ là ánh trăng và đồi sim. Nếu ánh trăng là nơi gieo vần cho những nhạc phẩm về phương Nam ngọt lành phù sa thì đồi sim lại gợi nhớ về Quảng Nam quê hương ông với mối tình lãng mạn tím màu thủy chung.

Thu, hát cho người là nhạc phẩm đầu tiên và để đời khi đưa tên tuổi Vũ Đức Sao Biển đến gần với công chúng. Năm 1968, nhạc sĩ tròn đôi mươi. Ông về lại đồi sim, ôm đàn nhìn xuống con sông Thu uốn quanh. Màu tím buồn ngập triền đồi, con sông lặng lờ trôi, một mối tình vô vọng... *Dòng sông nào đưa người tình đi biền biệt/ Mùa thu nào cho người về thăm bến xưa/ Hoàng hạc bay, bay mãi bỏ trời mơ/ Về đồi sim, ta nhớ người vô bờ…*

Giai thoại về chuyện tình trong Thu, hát cho người hẳn nhiều người đã biết. Với nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển thì: "Đó là nhạc phẩm tôi viết cho mình, hát với mùa sim, tháp cổ, dòng sông. Thu ở đây là mùa thu, là dòng sông Thu. Nhưng cũng có thể hiểu đó là tên người con gái mà tôi gieo mối tình đơn phương thuở còn là cậu học trò trường Trung học Tiểu La, Thăng Bình".

(Mai Quỳnh Nga)

Nhạc sĩ, nhà thơ, nhà báo
Vũ Đức Sao Biển

Thu hát cho người

211 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Khi Sài Gòn giải phóng - mười bốn năm trước đây, tôi đã được dịp trở lại vài tháng sau. Một hôm, tôi đến chơi nhà Nguyễn Điều - tức Tô Hà, bên Khánh Hội - một bạn nối khố của tôi từ khi để chỏm còn ở Nghĩa Đô. Vũ Bằng tới. Tình cờ có người mách anh biết tôi đến đây và tôi cũng chưa biết nhà anh ở đâu. Thì ra nhà anh ngoài bờ sông gần đấy, anh lồm cồm lên gác. Vẫn cái áo "tăng quát" và mũ phớt mua thu Hà Nội loà xoà như năm nào.
Bấy giờ chớm thu, mà người Sài Gòn năm ấy đồn rằng giải phóng đã đem cả cái lạnh ngoài kia vào. Mấy người quê Bắc chỉ đợi được mặc áo ấm, đã nói đùa hơi mát mẻ đôi chút.
Đứng trước mặt tôi là một người đã luống tuổi, tôi chỉ nhận ra mang máng cái dáng quen. Khuôn mặt, anh trễ tràng, võ vàng, không còn béo mập như trước.

Vũ Bằng nắm vai tôi một lúc thật lâu rồi mới thốt lên:

- Ô này, thật mày đấy a? Mày cứ chửi ông bơ sữa, vậy mà ông thì ốm thế này, bịnh thế này... Rồi chẳng đợi ai mời, anh cởi áo khoác ngồi vào mâm đánh chén. Vẫn tính xuề xoà thế. Nhưng vừa bị một trận ốm nặng, đã phải bỏ rượu. Tối hôm sau, tôi đến nhà anh. Nhà một tầng, hai buồng rỗng như đít bụt, chẳng có tủ có đài gì cả. Chị hai đi họp tổ dân phố. Trẻ con thì chơi đâu ngoài bờ sông.

Vũ Bằng lại xuýt xoa khen tôi béo khoẻ. Cơ chừng có sự thèm muốn, sự ghét guổng mà thích thú và sự lạ lùng nữa, ở anh. Vì cái thằng "uống nước lã cũng đã say" bây giờ uống tốt, mà anh là cái hũ rượu thì phải kiêng. Tôi nói:
- Khó khăn thì nhiều đến độ không đếm được, nhưng lòng người yên tĩnh. Có lẽ khoẻ nhờ thế, anh ạ.
- Chí phải. Ở cái đất loạn này, cứ nát óc ra hại người thật.
Tôi cười:
- Vả lại, những "Mười hai thương nhớ" nữa, còn gì là người!
Vũ Bằng nhếch miệng, mủm mỉm, bâng khuâng:
- Ừ còn gì. Ông cũng đọc đấy à!

Rồi anh trầm ngâm nhìn ra sông Khánh Hội trong bóng trăng.
- Mấy năm nay tao yếu hẳn. Đã thiếu đói lại mới bị một chuyến kiết lỵ tưởng chết, như thằng Nguyễn Dân Giám xưa chết bệnh này ở trên Phú Thọ đấy, nhưng rồi chỉ ốm rộc người thôi. Chẳng phải chỉ có mười hai thương nhớ, đã hơn hai mươi năm ở cái hẻm Mèo câu cá này, còn gì là người. Mày có thương tao không?

(Vũ Bằng… trích trong “Chân dung văn học” của Tô Hoài)

Bóng đè

Hồi còn nhỏ, những đêm mất điện, nhà tôi thường thắp đèn dầu hỏa. Tôi thích thú nhìn bóng tôi in trên vách. Và giỡn đùa với bóng như một đứa bạn thiết. Tôi thường dùng đôi tay mình tạo hình các con thú: chó, rắn, thỏ...chuyển động và cắn nhau. Rồi phá lên cười nắc nẻ. Lúc ấy, má tôi hay bà tôi thường mắng: “Đừng giỡn bóng. Tối ngủ, bóng nó đè chết đó!” Thế là tôi ngưng ngay trò chơi trong luyến tiếc lẫn sợ hãi muốn biết cảm giác bị bóng đè như thế nào.

Lớn lên, tôi bỗng đâm ra say mê với trò chơi chữ nghĩa. Có nhiều đêm, trong bóng tối, tôi *lần mò giỡn chữ. Tôi nghịch ngợm. Đảo lộn, chồng chéo chữ này với chữ kia. Bẻ đầu, ngắt đít chữ nọ. Để tạo hình.* Và quả nhiên, những đêm ấy, trong giấc ngủ, tôi bị *những con chữ kéo đến bủa vây đè tôi đến ngộp thở.*

(Về một nhà văn bị bóng đè)

Xuân Sách: viết chân dung

Tập *Chân dung nhà văn* gồm 100 chân dung nhà văn, nhà thơ được viết bằng thơ (1) từ năm 1962 đến 1992 mới được in thành sách, tính đến nay đã gần 20 năm.

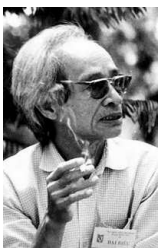

Xuân Sách (4/7/1932 - 2 /6/2008) tên thật là Ngô Xuân Sách, bút danh khác: Lê Hoài Đăng. Quê tại Trường Giang, huyện Nông Cống, Thanh Hóa. Nơi ở trước khi ông qua đời: Vũng Tàu, Bà Rịa
Ngày 6 tháng 6 năm 2008, linh cữu nhà văn Xuân Sách được đưa về an táng tại quê nhà Thanh Hóa, theo nguyện vọng sinh thời của ông.

(1) Tập hồi ký *Giải mã Chân dung* của Xuân Sách do ông Nguyễn Hòa VCV cung

cấp. Những dẫn chứng không đánh số chú thích là đều lấy từ hồi ký *Giải mã Chân dung* này.

(Đỗ Ngọc Thạch)

Uống không say

Đừng rót nữa tôi không sành rượu
Uống không say thì uống làm gì

(Xuân Sách)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhà sử học Đào Duy Anh

Lần đầu tiên tôi được biết *GS. Đào Duy Anh* là năm 1952, sau khi tôi tốt nghiệp trường phổ thông Phan Đình Phùng (Hà Tĩnh) ra Thanh Hoá vào học trường Dự bị đại học. Trước đây tôi chỉ biết đến tên tuổi học giả họ Đào qua cuốn "Pháp – Việt từ điển" và "Hán – Việt từ điển".

Tôi không bao giờ quên được những buổi giảng bài của thầy Đào về lịch sử Việt Nam vào ban đêm tại sân đình hay sân nhà tư nhân ở vùng Cầu Kè, chợ Đu (Thọ Xuân, Thanh Hoá). Để tránh máy bay, chúng tôi học ban đêm, mỗi người một bàn xếp nhỏ với chiếc đèn dầu hoả tự chế bằng lọ mực với tấm bìa che chỉ đủ ánh sáng để ghi chép.
Thầy Đào ngồi trên ghế cao, không cần đèn, chậm rãi giảng bài bằng trí nhớ của mình. Học trò nhìn lên không thấy mặt thầy mà chỉ nghe giọng thầy qua lời giảng đều đều nhưng khúc chiết, sâu sắc. Năm 1954, tôi ra Hà Nội để học tiếp năm thứ hai ban Sử – Địa, Trường Đại học Sư phạm. Năm 1956 sau khi tốt nghiệp, tôi được giữ lại làm trợ lí tại Bộ môn Cổ sử Việt Nam do GS. Đào Duy Anh làm Chủ nhiệm (lúc bấy giờ quen gọi là Tổ Cổ sử) với chức tổ trưởng. Tôi được vinh dự học với thầy và làm việc dưới sự hướng dẫn của thầy cho đến khi ông chuyển công tác sang Bộ Giáo dục (1958) rồi Viện Sử học (1960). Đó là chặng đường chập chững khi tôi bước vào nghề dạy sử và viết sử mà vai trò của người thầy hết sức quan trọng trong định hướng khoa học và hình thành phong cách cho cả cuộc đời khoa học.

(Phan Huy Lê)

Học lại chữ Hán - 1

Tôi tra từ điển. Hoa-Việt của *ông Đào Duy Anh*, tôi thấy một chữ mà ông Đào Duy Anh ghi âm đọc là *chanh*. Chẳng những thế, lại còn chua chữ Pháp là citron, citronnier. Tôi ngạc nhiên quá.

Bên Tàu không có cây chanh. Thế sao họ lại có danh từ chanh để mà cho ta vay mượn (chữ chanh viết bằng chữ đăng là lên đường, nhưng với bộ mộc). Tôi đã biết rằng *Trung Hoa, vì không có trồng được cây chanh,* nên không có danh từ, phải mượn danh từ lemon của Anh mà họ đọc là lì mông (viết ra chữ Tàu thì các nhà nho ta đọc sai là ninh mông). Mặc dầu vậy, tôi cũng phải hỏi lại ông Lý Văn Hùng cho rõ trắng đen. Ông ấy nói:
- Ông Đào Duy Anh đã lầm. Người Tàu đâu có trồng được chanh, đâu có trái citron. Cái chữ nầy phải đọc khác, và trỏ món khác, chớ đâu có trỏ chanh bao giờ.
- Trỏ cái gì, và đọc như sao ?
- Quan Thoại đọc là xản, Quảng Đông đọc là tsat và trỏ cây cam và trái cam. Có lẽ đồng bào của tiên sinh đọc là *sành để rồi ghép thành ra cam sành.*

(Bình Nguyên Lộc)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Sòng bạc tạo nên người điên,
Tình trường tạo nên người ngu.

Học lại chữ Hán - 2

Lại xin trình thêm một chữ nữa. Chữ nầy *ông Đào Duy Anh* ghi âm đọc là *thũng* và định nghĩa là *sưng lên*. Té ra bịnh thũng là tiếng Tàu, thế mà từ bao lâu nay, tôi cứ tưởng đó là tiếng Việt. Vậy là giáo sư Lê Ngọc Trụ rất có lý, cái gì cũng do tiếng Tàu mà ra cả. (Chữ Hán này được viết bằng chữ trọng với bộ nguyệt mà người Tàu gọi là bộ nhục.)

Lần nầy, tôi không có thắc mắc, không có hỏi ai hết. Nhưng một nhà nho Việt Nam, mới có 30 tuổi, một hôm đã tinh cờ nói về vấn đề là hiểu lầm về chữ nghĩa Tàu. Anh bạn ấy nói: "*Cái chữ đó, không phải đọc là thũng đâu, mà đọc là trương, mà có người phát âm là chương. Chương lên, có nghĩa sưng tấy lên đó mà (con trâu chết chương, cơn ngựa chết chương)*."

Ấy, ông Đào Duy Anh lần nầy không có lầm về nghĩa mà chỉ lầm về phát âm thôi, nhưng cái lầm nầy khá tai hại, làm cho ta tin rằng các từ của ta đều do tiếng Tàu mà ra tuốt hết, tin theo thuyết của Giáo sư Lê Ngọc Trụ.

(Bình Nguyên Lộc)

Chưa…hỏi đã…ngã

Phân biệt hỏi ngã không cần thiết.
Lý do duy nhất được nêu ra, để bênh vực cho việc duy trì hỏi ngã, là chúng làm phân biệt từ này với từ kia, như *"lẽ" khác "lẻ", "bả" khác với "bã".* Lập luận này xem ra không vững chắc cho lắm, vì *nói sai hay viết sai hỏi ngã người ta vẫn hiểu.*
Ngay cả miền Bắc cũng phát âm khác nhau, dân Hà Nội xưa khác Hà Nội nay, dân không-HàNộI lại khác dân Hànội, Hànội di cư khác Hànội xưa...Hỏi ngã không cần thiết vì dân Hànội nói người không-Hànội vẫn hiểu, mặc dầu hỏi ngã phát âm khác nhau.

Lý do là một từ sẽ làm sáng tỏ bằng các từ kế bên, như trường hợp chữ viết. Người miền Nam, chỉ dùng *thanh hỏi gần như thanh ngã*, *nói chuyện người Bắc có hiểu không? Vẫn hiểu như thường,* có khi còn *hiểu rõ hơn khi nghe vài vùng ở miền Bắc, như nghe dân đảo Cát bà, người Bắc di cư nghe dân Hànội ngày nay.*
Nhớ lại hồi xưa khi học lớp năm, khoảng 1948, thì đã có bạn thân là người Bắc, con của dân Bắc kỳ 30 cạo mủ cao su. Tụi này nói chuyện với nhau rất bình thường, không một ai nói là không hiểu, và cũng không phân biệt Bắc hay Nam, chỉ hơi lạ là có một thằng bạn nói N thành L và ngược lại, tuy lạ tai nhưng vẫn hiểu như thường. Hỏi quê ở đâu thì trả lời *là Hải Dương, ngày nay mới biết là ở vùng biển người ta hay nói như thế.*

Xem ra nói lộn xộn hỏi ngã cũng…"hổng" sao.

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Lỗi thày mặc sách, cứ mạch mà cưa
Ý nói: việc người trên đã có người trên lo, riêng phần mình cứ thẳng mà làm.

Chưa chính xác. Nghĩa bóng là: Phê phán thái độ bàng quan, *thấy việc sai nhưng vẫn cứ làm, cho rằng tội vạ đã có người khác chịu.*

(Hoàng Tuấn Công)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian những từ cổ đã bị đẩy khỏi vị trí vốn có của chúng nhưng vẫn còn để lại dấu vết của mình, trở thành thành tố cấu tạo trong một vài từ nào đó…

Tục: *thói quen* - phong tục, tục lệ.

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Về…"hưu"

Chữ "hưu" hình thành từ chữ "nhân" và "mộc".
Ý là khi người ta về già hãy vui thú điền viên với cây cỏ.

Chữ Việt cổ

Chừ: *bây giờ*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Trước Công Nguyên

Thế nào là trước công nguyên và sau công nguyên?
Cảm tạ trước nha?

Tôi xin sửa 1 chi tiết nhỏ trong câu hỏi của bạn:
Trước công nguyên thì đúng rồi. *Sau công nguyên thì sai.*
Từ khi lịch công nguyên ra đời, đến nay, năm 2024, chúng ta vẫn đang sử dụng nó, nên chưa thể có thuật ngữ "sau công nguyên", vì lịch công nguyên vẫn đang tồn tại, vẫn đang được cả thế giới sử dụng. Để gọi đúng chỉ viết năm 2024

Chửi mất khoai

Cha năm đời mười đời bố cụ nhà mày nhá, *mày lấy thuổng mày đào, mày lấy dao mày cạo, mày bỏ thỏm vào nồi, mày đun sôi sùng sục,* mày múc ra mâm, mày ăn ngấm ngầm, mày *khen khoai nhà bà ngọt nhá*.

(Vùng sáng ký ức – Khuyết danh)

Nhà chứa

Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê) định nghĩa "*nhà chứa*" là nơi nuôi gái mãi dâm, tổ chức cho gái mãi dâm hành nghề, trong xã hội cũ. Đúng ra thì phải gọi là *gái mại dâm* (gái bán dâm), các ông đi chơi gái thì gọi là *khách mãi dâm* (khách mua dâm). Nhầm lẫn người mua với người bán âu cũng là thói quen đã có từ lâu. Nhưng nếu phân biệt được chủ với khách, người cho với kẻ nhận thì vẫn hơn. Nhất là trong thời buổi nhiễu nhương có cả *các cậu, các ông bán dâm cho người cùng phái.*

(Xướng ca vô loài – Nguyễn Dư)

Góp nhặt cát đá

Cá rô cây

Lão hành khất vào ngồi trong hiên chùa, bắt đầu bữa ăn xin được trong ngày: ít vắt cơm, muối và... *một con cá rô cây.*
Bà vãi nhìn bữa ăn, thấy con cá rô cây được đẽo gọt khá cẩn thận, dọn ra giống y con cá thật đã được nấu nướng đàng hoàng. Bà hỏi người hành khất:
- Này ông lão, ông làm gì với *con cá gỗ* ấy hay cuối cùng cũng chỉ *cơm với muối*?

Lão hành khất đưa tay chỉ tượng Phật giữa chánh điện trả lời:
- Này bà, còn bà làm gì với *tượng Phật* kia và…*ăn chay*?

Bên lề chữ nghĩa

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Tuần lễ trước đây, ở một lá thư của một người bạn thân gởi sang từ Sàigòn, có một đoạn bạn tôi vắn tắt cho hay về Dương Nghiễm Mậu sau 1975. Dương Nghiễm Mậu không đi năm 1976, phải trình diện học tập cải tạo, bị giam ở trại tập trung Phan Đăng Lưu Gia Định, hơn một năm sau được thả về cùng một đợt với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hiệu, Nhã Ca. Thư kể Mậu bây giờ làm việc ở một xưởng sơn mài thành phố, vẫn sống cùng vợ con trong ngôi nhà cũ vùng ngoại ô Trương Minh Ký, một đời sống từ lâu đã biết làm cho đơn giản đến tận cùng khiến nghèo túng đến mức nào cũng không còn là thảm kịch, và dẫu ở cảnh ngộ nào cũng thư thái ung dung.

Thư kể Mậu đi bộ khoan thai trên hè phố, *cái dù đen nơi tay*, cái nhìn hóm hỉnh, nụ cười tươi tắn. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, vẫn là Dương Nghiễm Mậu ấy, sau *Rượu chưa đủ* đến tìm tôi và đưa thêm những truyện mới, những sáng tác mở đầu cho sự nghiệp văn chương tốt đẹp này của Mậu đều được trang trọng giới thiệu trên tờ Sáng Tạo Bộ Cũ và Bộ Mới. Nụ cười tươi tắn, cái nhìn hỏm hỉnh. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, độc lập một trời riêng, tách biệt một đường riêng, phản chiếu trong văn viết và *trong một tấm hình nổi tiếng độc đáo của Trần Cao Lĩnh, Mậu nhắm mắt mĩm cười dưới một mặt kim đồng hồ kim phút kim giờ cùng ngộ nghĩnh rớt xuống.*

Sau biến cố 1975, trước khi bị truy nã và do đó đứt hết liên lạc bằng hữu, tôi còn gặp Dương Nghiễm Mậu nhiều lần. Một lần ở cổng xe lửa số 6. Trời râm mát mà tác giả *Địa ngục có thật* vẫn *chiếc dù đen trong tay*, như một vật tùy thân. Mừng rỡ đứng lại trò chuyện giữa tan hoang cộng sản đã vào. Mậu cười nói : "Nhiều chuyện lạ lắm sắp xảy ra, đây chỉ là bắt đầu và anh em mình sắp nhìn thấy". Rồi kể là đã sắp đặt tức khắc xong xuôi đời sống. Đã đơn giản còn chỗ đơn giản hơn nữa. Đã thu hẹp còn cho thu hẹp hơn nữa. Để lúc nào phải đi thì đi.

(Mai Thảo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngày sau nếu không là tôi nữa
Sỏi đá vô tri chắc cũng buồn.
(Đăng Học)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Thú đau thương không còn nữa

Từ cuộc đời đau thương của Dương Kiền, tôi nhớ một lần, một lần đầy kịch tính như phim hành động của điện ảnh Hoa Kỳ. Tôi tới quán cà-phê quen thuộc ở góc đường Kỳ Đồng - Thanh Quan như thường lệ. Trời chiều sậm màu. Một người khách mang kính đen ngồi bàn bên, mũ vải kéo sụp xuống. Anh ta nhìn sang phía tôi, hỏi nhỏ thì thầm: "Đạt phải không?" Hóa ra Dương Phục. Anh vượt ngục ở vùng Sông Bé, nơi có trại tù sĩ quan học-tập-cải-tạo. Vì thế anh mang kính đen che đôi mắt, đội mũ vải có vành, kéo xuống sát gọng kính. "Moa vượt ngục mà. Đợi thằng NgM. tiễn nó đi chầu Diêm Vương, thằng khốn kiếp nó rù quến..." Dương Phục nói tên người phụ nữ mà anh bảo là bị NgM. rù quến.

Tôi nhìn thấy con dao găm, là lưỡi lê gắn đầu súng garant, chả hiểu anh kiếm ra nó ở đâu, thọc sâu nó bên hông quần kaki. Tôi toát mồ hôi, dù từng dùng lưỡi lê hơn một lần, khi xáp lá cà với Vixi ở A Sao A Lưới. Tuy nhiên... "Thằng cha NgM. (đã mất) văn nghệ văn gừng này tôi từng xem là bạn. Một lần khác đi, nếu thấy nhất thiết phải như vậy. Một lần nào cũng được, miễn không phải lần này..." Tôi nói với Dương Phục như vậy. Dương Phục uống cạn ly cà-phê đá, lên chuyến xe Traction đen cuối cùng về Biên Hòa. Tôi ngồi lại. Năm mười phút sau NgM. từ bên kia đường bước sang, anh chàng thấy tôi ở quán. Nếu lần nào Dương Phục cũng vì thương anh mình mà "giải quyết vấn đề" như vậy, chắc là anh đã phải đóng phim hành động Hoa Kỳ ít nhất năm bảy lần. Dương Kiền thì đã phố hết đời mình trong *Thú Đau Thương.*
Hôm nay, tưởng niệm người anh của bạn tôi, người bạn của anh tôi, tôi chẳng đặng đừng nhắc nhớ những chuyện như vậy. Chỉ là những gì tôi muốn quên, và Dương Kiền thì đã quên tất cả rồi.

(Nguyễn Đạt)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Đoàn Kế Tường & Đoàn Thạch Hãn - 1

Đoàn Kế Tường tên thật là Đoàn Văn Tùng, sinh năm 1949 tại làng Đông Dương, xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, Quảng Trị.

(Đoàn Kế Tường 1949-2014)

Theo lời Tường, năm 13 tuổi, do bố từng là lính cho Pháp nên Tường được vào học Trường Thiếu Sinh Quân-Vũng Tàu, sau đó vào Trường Bộ Binh Thủ Đức, ra trường chọn Lực Lượng Đặc Biệt, đóng ở Cao Nguyên, rồi đào ngũ về quê Quảng Trị, sau làm lính địa phương quân và do cơ duyên tình cờ, trở thành phóng viên của báo Sóng Thần. Tường gia nhập làng báo từ 1971 với các bút danh: *Đoàn Kế Tường, Đoàn Thạch Hãn*…

Chúng tôi gặp nhau tại phòng 10 khu BC trại giam T30 Chí Hòa, khi tôi (Đinh Anh Quang Thái) chuyển từ Phan Đăng Lưu sang đây. Đoàn Kế Tường hơn tôi 5 tuổi, bằng tuổi anh cả tôi. Dù vậy, không câu nệ, anh bảo "gọi nhau mày tao cho thân, anh anh tui tui nghe mệt thấy mẹ." Tôi vẫn giữ lễ, nhưng ngày càng thân, nên sau tôi chỉ gọi anh là Tường. Và anh gọi tên tôi, xưng "tui"…

(Đinh Anh Quang Thái? hay Tưởng Năng Tiến?)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Lời nói không mất tiền mua
Tha hồ mà nói đừng thua câu nào

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Đoàn Kế Tường & Đoàn Thạch Hãn - 2

Ra tù năm 84, tôi đi thoát, Tường vẫn đếm ngày tháng sau chấn song ở trại Chí Hòa. Và rồi Tường cũng được thả. Mừng bạn thoát tù, tôi gửi về chút quà cho Tường… Rồi nghe tin *Tường làm cho báo Công An*, ký tên *Đoàn Thạch Hãn*… Bạn bè còn lại quê nhà nhắn tin, Tường "bệ rạc quá, viết nhiều bài bôi nhọ anh em."
Xa quê nhà nửa vòng trái đất, tôi (Đinh Anh Quang Thái) không thể phán xét gì về bạn mình..Chỉ thầm nghĩ, cái anh chị trong con người Tường lại lấn cái THIỆN rồi. Tường chết bệnh năm 2014 ở Sài Gòn. Nhà báo Huy Đức báo ngay tin này cho tôi, và nói sẽ đến viếng Tường lần chót trước khi thi thể được đưa về với đất ở Hải Lăng. Huy Đức cho biết, ngoài vài người cháu và bạn bè văn nghệ, không có ruột thịt nào bên Tường lúc Tường ra đi…

Đọc bài viết của nhà báo Huỳnh Ngọc Chênh, tôi mới biết Tường có lần tự phán "mình rất tiếc đã tự bôi đen đời mình quá nhiều." Giá Tường được sống trong môi trường khác, tôi tin cái THIỆN trong anh sẽ lấn cái anh chị.
"Giá được sống trong một môi trường khác" thì rất nhiều người cũng khác, chứ chả riêng chi họ Đoàn. Nguyễn Khải, chả hạn, sẽ không đợi đến lúc gần nhắm mắt xuôi tay mới dám mon men "đi tìm cái tôi đã mất." Nguyễn Đình Thi cũng thế, cũng chả phải "tự phán" bằng những lời lẽ chua chát – vào lúc cuối đời:
Người tôi còn nhiều bùn tanh
Mặt tôi nhuốm xanh nhuốm đỏ

(Đinh Anh Quang Thái? hay Tưởng Năng Tiến?)

Nói lái trong nước

Người già…ngồi câu còn người giầu…ngồi ca.

Xuân Sách: viết chân dung

Về tập thơ Chân dung nhà văn
Trở lại với bài thơ tôi (Xuân Sách) viết về Tố Hữu. Chín mươi chín bài thơ tôi viết xong đều được anh em đem truyền khẩu (hoặc tôi đọc trước những người tôi viết, *trừ bài thơ về Tố Hữu*).

Viết xong bài thơ tôi hiểu ngay rằng không thể nào truyền bá ra được, cũng phải biết trời biết đất chứ làm sao bây giờ. Tôi biết có một nhà văn gửi một bản tường trình lên thủ lĩnh tố cáo tôi đã làm thơ bôi xấu các nhà văn, rồi trích ra một số bài, nhưng ông ấy nếu không có bài thơ về Tố Hữu thì chưa đủ sức *nặng*. Ông liền ghi mấy câu ở vỉa hè nhại bài thơ *Bầm ơi* của Tố Hữu*: "Bầm ơi có biết không bầm. Vôn ga con cưỡi, gà hầm con xơi. Con nay đã khác xưa rồi (…) Bầm ra ruộng cấy bầm rung/ Con ngồi sưởi ấm mà thương lại bầm …*Làm thế nhà văn nọ vô tình đã phạm thượng. Xuân Sách đã viết về những nhà văn như thế không thể viết về tôi như vậy, tôi chờ.

Và tôi cũng phải chờ. Một lần nhà văn Đặng Thai Mai gọi tôi đến nhà. Cụ bảo *tôi đọc bài thơ tôi viết về Tố Hữu* cho cụ nghe. Thấy tôi chần chừ, cụ nói: "Cậu sợ tôi phản cậu hay sao?"
- Thưa bác, cháu đâu dám nghĩ về bác như thế, có điều cháu nghe lời ông Hàn Phi rằng vua là con rồng nhưng có thể gần được thậm chí có thể cưỡi lên mình nhưng tuyệt đối không được sờ vào cái vuốt dưới hàm. Cháu muốn giữ được cái đầu để hoàn thành tập thơ.
- Thế là phải, nhưng cậu đọc riêng cho tôi nghe cơ mà!
- Thưa bác- tôi lại múa mép: - Cái đạo của những trí giả như bác có cái hay trong bụng không thể truyền cho người khác .Cho phép cháu khoe một chút, bài này là bài hay. Rồi tôi âm ử:

Chúng tôi ngồi trên sàn nhà bằng gỗ. Cụ gác cằm lên đầu gối cười khục khục rồi mắng yêu tôi: - Thằng tiểu quỷ!

(Đỗ Ngọc Thạch)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tất bật hơn thua rồi cũng bỏ
Thong dong tự tại vậy mà vui.

212 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già

Mỗi năm khi hoa đào nở, tôi lại đến thăm nhà thơ trào phúng Tú Sót (tên thật là Chu Thành), một ông đồ trong CLB Cảo thơm thư hiên. Trong cái thanh tịnh của một sớm đầu Xuân Bính Tuất, nhà thơ Tú Sót kể lại cho tôi nghe buổi "hầu chuyện" thơ của ông với cụ Vũ Đình Liên cách đây vừa đúng 15 năm như một sự tri ân với tác giả bài thơ "Ông đồ".

Đây cũng là buổi "hầu chuyện" cuối cùng của Tú Sót với tác giả Ông đồ vì sau đó vài năm, thi sĩ tài hoa này đã về nơi vĩnh hằng. Thật ra ý định *ghi lại xuất xứ bài thơ Ông đồ* đã được ông Tú ấp ủ từ năm 1989, nhưng rồi cứ nấn ná vì lý do này nọ mà chưa thực hiện được. Và ngày 24/10/1991, một buổi chiều thu nhạt nắng, sau khi thắp hương viếng phần mộ nhà văn Vũ Trọng Phụng, nhà thơ Tú Sót đã mời nhà thơ Vũ Đình Liên lại nhà mình để được "hầu chuyện". Kể lại kỷ niệm này, ông rưng rưng:

"Rất ít người biết rằng, bài thơ Ông đồ và nhiều bài thơ khác của cụ Vũ Đình Liên còn nặng kỷ niệm về người vợ tảo tần của nhà thơ. Cụ gọi đó là cái tình tri âm, tri kỷ đã theo cụ trọn cuộc đời. Bà chẳng làm nghề gì cao sang, chỉ là cô hàng xén ở phố Hàng Bồ. Cụ Liên khi đó là anh chàng thư sinh học trường Bưởi, ngày nào cũng đi qua con phố có cô hàng xén dễ thương đó và chẳng biết tự bao giờ, chàng trai trẻ thi sĩ này đã phải lòng. Phải lòng gánh hàng chỉ có kim, chỉ, đèn dầu, phải lòng người bán hàng đôi má ửng hồng e thẹn, nhưng chàng thanh niên Vũ Đình Liên còn phải lòng cả cái khung cảnh bình dị mà chỉ có trái tim thi sĩ mới rung lên được sợi tơ tình cảm đó:

Bên cạnh cô hàng xén còn có một ông đồ già ngồi viết chữ. Họ ngồi cạnh nhau nhiều tháng trên hè phố cùng kiếm sống nhưng cũng không bị "Pu-lít" (cảnh sát) đuổi phạt bao giờ.

(ông đồ Vũ Đình Liên tranh Bùi Xuân Phái)

Thời đó, kẻ sĩ nước mình có mấy ai giàu. Ông đồ nghèo đến nỗi không có nhà phải ngồi ở vỉa hè để bán chữ, mà còn không có cả tiền mua giấy nên phải ngồi bên cô hàng xén. Để khi có khách đến thuê viết, ông đồ chỉ cần với tay về phía cô hàng xén: "Này, này, cô cho tôi nhờ tờ giấy, nhờ cái bút", vậy là được cả đôi bên! Họ cứ dung dị sống, dung dị gắn bó mưu sinh với nhau trên một góc vỉa hè chật chội mà đâu có biết rằng, có một anh chàng thư sinh nho nhã đã khắc ghi hình ảnh đó trong lòng".

(Mối tình trong bài thơ Ông đồ - Lê Chánh Thiêm)

Nói lái trong nước

Tình *chan chứa* là tình…*chưa chán.*

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Tiểu thuyết lịch sử" (không hư cấu)

Tiểu thuyết lịch sử

Theo nhận xét của tôi, nét tiêu biểu của cây bút Đào Trinh Nhất là biên khảo sử học.. Muốn viết tiểu thuyết lịch sử một cách đích thực, đầu tiên là phải có một cái nhìn rất riêng. Điều này Đào Trinh Nhất làm được rất xuất chúng, ở mặt này. - (Lại Nguyên Ân)

Đào Trinh Nhất (1) sinh năm 1900. Nguyên quán tại Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Ông là con Đình nguyên nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp) Đào Nguyên Phổ. Mẹ là Lương Thị Hòa, con gái Lương Ngọc Quyến và là cháu ngoại Lương Văn Can. Thuở nhỏ, Đào Trinh Nhất theo học chữ Hán ở quê nhà, sau lên Hà Nội học chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Năm 1926, ông sang Pháp du học, ông tới Paris, liên lạc với Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Như Phong và viết cho báo Việt Nam Hồn.

(1) Bộ tứ "Kim Khôi *Nhất* Hùm" là "thành ngữ" trong văn học gôm: Trần Trọng Kim, Phan Khôi, *Đào Trinh Nhất*, Phan Văn Hùm

Từ năm 1921-1925, ông bước vào làng báo, làm biên tập Hữu thanh tạp chí. Rồi viết bài cho báo Đông Pháp. Năm 1925, ông vào Sài Gòn, làm thư ký tại Chez Phan Chu Trinh, số 5 Catinat. Trong khoảng 10 năm ấy, ở Sài Gòn, ông đã cộng tác với các báo: Thần chung, Tân Văn, Việt Nam. Và làm chủ bút báo Đuốc Nhà Nam. Sau năm 1945, chạy loạn về, tiên-sinh làm báo Ngày mới, báo Việt thanh (Bắc), năm 1948 làm báo Phụ Nữ tân văn
Ra Hà Nội, ông viết cho tờ Trung Bắc Chủ nhật (1940-1945). báo Nước Nam (1944-1945).
Năm 1950, ông vào Sài Gòn viết cho báo Ánh sáng, Sài Gòn mới, Dân thanh cho đến ngày mất.

Tác phẩm:
Một chuyện về lịch sử (s. 677, ngày 2/2/1928), Mấy ông vua nhà Nguyễn (s. 679, ngày 7/2/1928), Phan Đình Phùng (Đại La 1936), Việt sử giai thoại. *Cô Tư Hồng* dưới đây là một tác phẩm hết sức đặc biệt của Đào Trinh Nhất. Trước đó, cuốn tiểu thuyết lịch sử này đã được đăng nhiều kỳ trên *Trung Bắc Chủ nhật*:

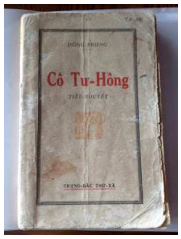

Ông mất trong một gian nhà nhỏ ở xóm Hòa Hưng ngày 23-11-1951, hưởng dương 52 tuổi, an táng tại nghĩa địa Hòa Hưng. Được tin ông mất, trong Nam ngoài Bắc làng báo, làng văn đều tỏ tình mến tiếc. Báo Tiếng Dội (Sài Gòn) chủ xướng việc xây mộ cho ông. Báo Cải Tạo (Hà Nội) tổ chức ngày lễ truy điệu long trọng. Các báo đều có nói nhiều về thân thế, văn nghiệp tiên sinh, đăng đủ điếu từ, đối phúng, văn tế, thơ viếng.

(Nhị Linh)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi

Tên tuổi ông gắn liền với bộ sách Thơ văn Lý Trần nổi tiếng từ 40 năm nay, và đối với bạn đọc hải ngoại, ông đã có mặt trên tạp chí Hợp lưu từ 8 năm trước. Nhưng chúng ta chỉ thật sự được nghe nói đến nhiều về ông kể từ kể từ khi William Joiner Center thuộc trường đại học UMASS quyết định mời ông và một người khác, ông Hoàng Ngọc Hiến, sang Hoa Kỳ tham gia vào một chương trình nghiên cứu văn hóa Việt Nam ở hải ngoại.
Dưới đây là một phần của cuộc nói chuyện khá dài nhân dịp ông Nguyễn Huệ Chi ghé qua San Jose mới đây trong tháng Chín. Vì lý do tế nhị, đề tài cuộc nói chuyện được thỏa thuận trong giới hạn của những vấn đề văn hóa dù biết rằng sự cách biệt tuyệt đối giữa văn hóa và các vấn đề khác là điều không phải dễ. Trong trường hợp này, nếu phải đọc bài giữa hai hàng chữ là chuyện riêng của độc giả và ở ngoài ý muốn của người đặt câu hỏi và người trả lời câu hỏi dưới đây.

***
Hỏi: *Nếu có người hỏi ông là ai, ông sẽ trả lời ra sao ?*
Đáp : Tôi trả lời theo hai cách. Cách đơn giản nhất: tôi là Nguyễn Huệ Chi, có mặt ở nước Mỹ từ mùa hè 2001 cho đến bây giờ. Còn trả lời kỹ càng hơn : tôi là sinh viên khóa đầu tiên của Trường đại học Tổng hợp Hà Nội từ 56-59, sau đó được học một lớp Đại học Hán học từ 1965, và thi bằng tốt nghiệp 4 năm, năm 1972.
Từ đầu 1961, sau khi rời trường Tổng hợp được một năm, tôi được chuyển về Viện Văn học. Đứng đầu Viện lúc bấy giờ là Giáo sư Đặng Thái Mai. Ông gợi ý với tôi đi vào ngành văn học cổ và vì vậy tôi phải theo học lớp Đại học Hán học. Kể từ đấy, ngành chính của tôi là văn học cổ và Hán Nôm.

(Thượng Văn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đường trần ta cứ rong chơi
Vui thêm bước nữa buồn thôi lại về.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhà sử học Đào Duy Anh - 1

Đào Duy Anh sinh ngày 25.4.1904 tại Thanh Hoá và mất ngày 01.4.1988 tại Hà Nội. Họ Đào vốn gốc ở làng Khúc Thuỷ, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, từ đời ông nội chuyển cư vào Thanh Hoá (huyện Nông Cống). Sau khi tốt nghiệp Thành chung tại Trường Quốc học Huế (1923), ông ra dạy ở Trường Tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình).
Giữa lúc đó, dấy lên sôi động với tiếng bom Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) của Phạm Hồng Thái năm 1924, phong trào đấu tranh đòi "ân xá" cho Phan Bội Châu năm 1925, đám tang Phan Chu Trinh năm 1926, đã cuốn hút tâm trí Đào Duy Anh. Cuối năm 1925, ông có mặt trong buổi Hội Quảng Tri Đồng Hới đón tiếp Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội vào Huế. Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định vào Sài Gòn để "thoát chốn ao tù", có điều kiện "mở mang tri thức" và tiếp xúc với những hoạt động yêu nước. Từ đó, ông dấn thân vào các hoạt động chính trị, văn hoá. Trên đường vào Đà Nẵng, ông ghé qua Huế thăm cụ Phan Bội Châu đang bị giam lỏng ở chùa Phổ Quang, vào Quảng Nam gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng. Ông giúp cụ Huỳnh sáng lập báo Tiếng dân, giữ chức Thư kí toà soạn.
Tháng 7.1929, Đào Duy Anh bị chính quyền thực dân bắt, cho đến đầu năm 1930 mới ra khỏi nhà tù. Từ đây, ông chọn con đường hoạt động văn hoá.

(Phan Huy Lê)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bỗng nhiên ta gặp lại ta
Bồng bềnh trong cái gọi là nhân gian.

(Thái Thanh Nguyên)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhà sử học Đào Duy Anh - 2

Lĩnh vực văn hoá đầu tiên mà Đào Duy Anh quan tâm là Từ điển học. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển: "Hán – Việt từ điển" (1932), "Pháp – Việt từ điển" (1936). Từ năm 1938, ông chuyển sang lĩnh vực văn hoá, văn học. Những công trình nghiên cứu đã xuất bản là "Việt Nam văn hoá sử cương" (1938), "Khổng giáo phê bình tiểu luật"(1938), "Trung Hoa sử cương" (1942), "Khảo luận về Kim Vân Kiều" (1943).

Sau năm 1945, GS. Đào Duy Anh được mời giảng dạy môn Lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội. Năm 1954, ông dạy tại Trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa. Năm 1956, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập, ông được cử làm Chủ nhiệm Bộ môn Cổ sử Việt Nam, chăm lo công tác đào tạo và nghiên cứu. Thời gian công tác ở Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cho đến năm 1958.

Ngay sau đó, ông bổ sung và viết lại thành "Lịch sử cổ đại Việt Nam" (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hoá đồ đồng và trống đồng Lạc Việt".
Theo sự phân công của Viện sử học, ông đã hiệu đính và chú giải nhiều bộ sách quý đã dịch ra tiếng Việt như "Lịch triều hiến chương loại chí", "Đại Nam thực lục", "Phủ biên tạp lục", "Đại Việt sử kí toàn thư", "Đại Nam nhất thống chí", "Binh thư yếu lược và Hổ trướng khu cơ", "Gia Định thành thông chí", "Nguyễn Trãi toàn tập". Cũng trong thời gian này và sau khi nghỉ hưu (1965), ông biên soạn một số công trình như "Đất nước Việt Nam qua các đời" (1964), "Từ điển truyện Kiều" (viết xong 1965, xuất bản 1974), "Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến" (1975), dịch và chú giải "Khoá hư lục" (1974), "Sở từ" (1974), "Truyện Hoa Tiên" (1978), "Thơ chữ Hán Nguyễn Du" (1988).Cuối đời, ông viết tập hồi kí "Nhớ nghĩ chiều hôm"(viết xong 1974, xuất bản 1989).

Trên chặng đường dài từ 1928 cho đến lúc đi vào cõi vĩnh hằng, GS. Đào Duy Anh đã để lại một di sản đồ sộ với nhiều trước tác trên nhiều lĩnh vực từ Từ điển, Ngôn ngữ, Văn hoá, Văn học đến Sử học, Khảo cổ học, Văn bản học, Dân tộc học, Địa lí học.

(Phan Huy Lê)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Những năm gần đây, tôi ít thấy thơ lục bát trên mạng văn chương. Thi thoảng, một hai bài nhen nhúm như ngọn đèn dầu leo lắt nhưng rồi lại tắt ngúm, chìm lịm dưới lượng thơ tự do ào ạt đổ vào thị trường thơ, nhất là thị trường thơ trên mạng. Điều này không lạ. Từ lâu thể thơ lục bát đã không còn sức quyến rũ đối với các nhà thơ Việt Nam nữa, nhất là các nhà thơ trẻ. Ngày nay họ chuộng thể tự do hơn, cho thích hợp với phong cách và tinh thần "Hậu Hiện đại". Có nhà thơ còn thẳng thừng tuyên bố ông thà làm thơ tự do dở chứ không thèm làm thơ lục bát hay!

Tại sao có tình trạng này? Tại sao một thể thơ truyền thống của dân tộc, gắn bó với tâm hồn Việt cả nghìn năm, ngày nay lại lâm vào tình cảnh bi đát, bị quay lưng lại, bị ruồng rẫy một cách đáng thương như thế? Phải chăng nó là vấn đề của hình thức biểu đạt cho những thao tác sáng tạo mới? Phải chăng niêm luật thơ lục bát gò bó quá, thơ lại đơn điệu, dễ nhàm, ý tình chẳng thể nào

biểu đạt cho trọn vẹn? Phải chăng nó cổ lỗ một cách thảm hại, như bà cụ đầu vấn khăn vuông, mình mặc áo dài nhung đen, lưng khòm, xệch xạc từng bước nặng nhọc lên chùa lễ Phật?

(Thơ lục bát: một duyên phận long đong – Trịnh Y Thư)

Thăng Long - Hà Nội xưa

Thời nhà Lý thì gọi là Quốc Tử Giám; thời Trần gọi là Quốc Tử Viện, sau lại đổi là Quốc Học Viện; thời Lê gọi lại là Quốc Tử Giám; tới thời nhà Nguyễn buổi đầu thì gọi tên là Quốc Học, sau cũng gọi tên lại là Quốc Tử Giám.
Văn Miếu - Quốc Tử Giám vừa là nơi tưởng niệm và tôn xưng những bậc tiền hiền, cũng vừa là nơi đào tạo nho sĩ.

Những dấu vết cũ như tấm biển đề "Hạ Mã", "Văn Miếu Môn" cho đến khu vực "Nhà Giám" đã đổ nát vẫn còn được bao bằng tường xây gạch vồ - loại gạch phổ biến của thời Hậu Lê.

(Văn Miếu và Quốc Tử Giám – Kiêm Thêm)

Trấn Hải Dương

Thành Hải Dương - *Thành Đông* năm 1885, 1 trong 4 thành trong Thăng Long tứ trấn.
Hải là miền duyên hải, vùng đất giáp biển. Dương là ánh sáng, ánh mặt trời. Hải Dương có nghĩa là "ánh sáng từ miền duyên hải chiếu về". Tên gọi Hải Dương chính thức có từ năm 1469.

Thành Hải Dương, còn gọi là *Thành Đông*, là một ngôi thành cổ thời nhà Nguyễn được được đắp bằng đất năm 1804 theo kiến trúc Vauban với mục đích vừa là trấn thành, vừa án ngữ *phía đông* kinh thành Thăng Long.

An Nam tứ đại khí

An Nam tứ đại khí là bốn kỳ quan, bốn vật quốc bảo của nước ta thời Lý, Trần. Đó là: *Tháp Báo Thiên*, *chuông Quy Điền*, tượng chùa Quỳnh Lâm và vạc Phổ Minh.

Trấn Sơn Nam

Đời Lê, Nam Định thuộc xứ Sơn Nam, đến niên hiệu Cảnh Hưng thứ 2, vùng đất này thuộc l*Sơn Nam Hạ*. Trong suốt thời kỳ từ Thiên Trường đến Nam Định ngày nay, trải qua các triều đại Trần, Hồ, Lê, Mạc,Tây Sơn, Nguyễn đã nhiều lần đổi tên như Thiên Trường, Vị Hoàng, Sơn Nam, Thành Nam rồi Nam Định. Đây là thành phố có nhiều tên gọi trong văn học: Thiên Trường, Vị Hoàng, trấn Sơn Nam Hạ, Thành Nam, Non Côi sông Vị, thành phố Hoa Gạo, thành phố Dệt, thành phố bên sông Đào, Nam Định...

Danh xưng Nam Định chính thức có từ năm 1831, dưới thời Minh Mạng. Thời đó Nam Định còn có trường thi Hương, thi Hội, có cả Văn Miếu như Hà Nội.

Tháp Báo Thiên

Tháp Báo Thiên có tên gọi đầy đủ là *Đại thắng tư thiên bảo tháp*, được xây cất vào năm Đinh Dậu (1057) đời Lý Thánh Tông. Theo *Đại Việt sử lược*, tháp cao 20 trượng (khoảng 70 mét) và gồm 30

tầng (có tài liệu chép là 12 tầng). Tháp nằm trong khuôn viên chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên nên còn gọi là tháp *Báo Thiên*.

Lý do để tháp được coi là một trong *tứ đại khí* là *vì tầng trên cùng và đỉnh của tháp đều được đúc bằng đồng.* Trận bão năm Mậu Ngọ (1258) đời Trần Thánh Tông đã làm ngọn tháp này bị đổ. Sau khi được trùng tu, tháp lại bị sét đánh sạt mất hai tầng vào năm Nhâm Tuất (1322) đời Trần Minh Tông. Đến tháng sáu năm Bính Tuất (1406) đời Hồ Hán Thương, nghĩa là 84 năm sau khi được trùng tu lần thứ hai, đỉnh tháp lại bị đổ. An phủ sứ Đông Đô lúc đó là Lê Khải vì không báo tin này cho Hồ Hán Thương biết mà bị biếm tước 1 tư (giáng xuống một trật). Thời thuộc Minh (1414-1427), quân Minh đã cho phá tháp để chế súng. Chỗ tháp bị phá sau đó được đổ đất thành gò cao để dựng đàn tràng.

(Phùng Thành Chủng)

Chia tay Thương xá Tax

"Nếu anh bắn vào quá khứ bằng khẩu súng lục,
tương lai sẽ bắn lại anh bằng một khẩu đại bác"

Bất cứ cuộc chia tay nào cũng mang theo nhiều luyến tiếc. Chia tay giữa người và người thường mang những kỷ niệm riêng tư, bỗng chốc trở thành kỷ niệm. Nếu như có cơ hội gặp lại nhau thì người xưa đã trở thành "cố nhân" trong muôn vàn khuôn mặt. Không phải chuyện chia tay chỉ xảy ra giữa người và người. Có những cuộc chia tay ngoài ý muốn *của nhiều người với nơi mình đã sinh sống*, khi phải bỏ xứ ra đi.
Trong bài viết sau này, tác giả không nói đến cuộc chia tay như vậy mà chỉ bàn đến sự chia tay Thương xá Tax của những người Sài Gòn đã từng, không ít thì nhiều, gắn bó với một địa điểm thường lui tới tại trung tâm thành phố có tên gọi Sài Gòn.

Chưa…hỏi đã…ngã

Viết cho đúng dấu hỏi (?) ngã (~) không đơn giản, làm nhức đầu một số người Nam, đồng thời lại quá dễ dàng đối với người Bắc. *Người Nam không biết tại sao chỉ có hai dấu mà mình không làm sao nhớ được, người Bắc lại không thể tưởng tượng được lại có người không nhớ nổi hai dấu này.* Một số người Nam không cần thắc mắc, chỉ dùng một dấu, tới đâu thì tới, ai mà để ý. Bài này viết, theo cái nhìn của phương Nam, một phần dựa theo các thắc mắc do thân hữu đề ra…

Vấn đề: Viết sai hỏi ngã vì là dân trường Tây. Nhiều người cho là tại vì học chương trình Pháp nên viết tiếng Việt sai chính tả.
Giải thích: Các nhà văn tiền chiến, như nhóm Tự lực văn đoàn, ai mà không học trường Tây, thế mà họ viết tiếng Việt đâu có sai. Vậy không phải chỉ có Tây, mà cả Ta cũng thế.

Vấn đề: Chữ thông thường dùng hằng ngày, nhiều từ, nghe, nói, đọc hằng chục lần, viết hằng chục lần, bị sửa sai bao nhiêu lần mà chứng nào tật ấy, sai vẫn cứ sai hỏi ngã.
Giải thích: Tại sao tiếng Anh, tiếng Pháp chữ nào cũng dài thoòng, *âm tiết kỳ lạ, nói giọng khịt mũi (Pháp), ưỡn ẹo như bóng (giọng Ăng lê), cà giựt như xe thổ mộ (giọng HongKong), cà xịt như xe lửa chạy (giọng Nga)*, rồ rồ trong cổ họng như bị hen suyễn (giọng Bắc Mỹ), líu lo dính cả lưỡi (giọng Japan), mà ít khi quên, trong khi *chỉ có hai dấu quèn mà không nhớ*.

Thế nghĩa là thế nào?

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Học lại chữ Hán

Một thắc mắc lớn nửa của tôi, đó là danh từ *thần nông*. Thần nông là gì. Những lần tôi học chữ nho, các ông dạy tôi học, dù cho rằng *Thần nông có nghĩa là vị thần trông coi về nông nghiệp.*

Tôi đã hiểu như thế trong rất nhiều năm, mãi cho đến khi tôi biết rõ cơ cấu của Hoa ngữ thì tôi bắt đầu nghi ngờ. Trong cơ cấu của Hoa ngữ thì ở các từ loại đó, *chữ thứ nhì là chữ quan trọng*, khác với trong *Việt ngữ mà chữ thứ nhứt là quan trọng*. Trong Việt ngữ thì *Thần là chữ quan trọng*, nhưng sách Tàu thì lại viết là Thần Nông chớ đâu có viết là Nông Thần. Mà cơ cấu Hoa ngữ thì như thế đó *Nông mới là quan trọng.*

Chú Lý Văn Hùng đã được tôi tín nhiệm, thế nên tôi cũng cứ hỏi chú Thần Nông là cái gì. Chú ấy biết tiếng Pháp, chú giải thích: "Thần Nông là *nông nghiệp thiêng liêng*, chớ *không phải ông thần của nông nghiệp* đâu. Nếu nói ra bằng tiếng Pháp thì đó là agriculture sacrée, chớ không làm sao mà là Génie de l'agriculture được hết."

Tôi thấy là chú ấy có lý quá. Vậy quý vị nhà nho ta nghĩ sao ? Đây là học hỏi của tôi với một người Tàu. Ông họ Lý đó, dở hay giỏi, tôi không đủ sức biết, nên xin ghi lại đây cho quý vị nho học ta xét lại. Nếu ông họ Lý dạy sai thì tôi sẽ bỏ những gì mà tôi được biết nhờ ông ấy, và sẽ nghe theo những lời chỉ dạy hữu lý hơn của các vị khác.

(Bình Nguyên Lộc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chết không nhắm mắt được
Nói lên sự đau khổ chua xót của cha mẹ trước tội lỗi xấu xa của con cái.

Ai chết không nhắm mắt được? Thành ngữ không chỉ nói *"cha mẹ trước tội lỗi xấu xa của con cái"* mà có thể những ai đó khi chết còn bị dằn vặt, hối hận bởi sai lầm hay tội lỗi do mình gây ra.

Nó cũng là *lời nguyền rủa, chửi bới kẻ mà mình ghét*.

(Hoàng Tuấn Công)

Vạn

Vạn : *phường hội* ở vùng biển và sông nước
Vạn chài : hội người làm nghề *chài lưới*
Vạn đò : hội người làm nghề *đưa đò*

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chùa chiền

Theo ý kiến của giáo sư Lê Thước và nhà văn Hoàng Ngọc Phách thì từ ghép "Chùa chiền" được hiểu như sau:

Chùa - có nguồn kinh tế là *tự điền* (ruộng sở hữu của nhà chùa) để lấy hoa lợi dùng vào việc đèn hương cúng tế.

Chiền - không có *tự điền* nhưng được thu thuế ở một ngôi chợ bên cạnh để dùng vào việc đèn hương cúng tế. Các chợ này thường có tên gọi là *chợ chùa*.

Chữ là nghĩa

Theo thuyết" luân hồi" của *sinh, mệnh, lão, tử*

Sinh : bắt đầu
Tính từ lúc *đầu thai đến khi khóc chào đời*.
Mệnh : trải qua
Từ lúc *chào đời đến 70* (Chịu phận)
Lão : được hưởng
Từ *70 tuổi đến chết* (Hưởng phúc)
Tử : hoàn thành
Trở *về với cát bụi* (Xong kiếp luân hồi)

Chữ là nghĩa

Một vị nghiên cứu địa danh miền Nam. Tới một tên là lạ. Như cửa sông có tên Cung Hầu. Tra cứu sách vở thì vô ích thôi, bèn hỏi người địa phương, té ra nơi đó là Cồn Ngao. *Cồn Ngao*, các cụ viết sách bằng chữ Nho bèn ghi là *Cung Hầu*! Nhà nghiên cứu bèn gọi cách giải thích dân gian đó là *Tự điển dân gian*.

Dĩ nhiên có những địa điểm mà dân gian cũng như nhà nghiên cứu đều mít đặc như các địa danh xóm Cù Bà Cây Mít ở Bình Định hay Lá Hanh Chắt Đốt ở Sóc Trăng. Gặp những trường hợp đó thì người ta đành chào thua thôi! Tôi thấy tìm hiểu đề tài này cũng thú vị lắm.

Tiếp đến, tôi xin kể hầu quí vị từ Bắc vô Nam.

(Tự điển dân gian - Chân Diện Mục)

Đượi

Người Hà Nội gọi các cô gái điếm thời Tây là "*đượi*." Có người cho rằng *đượi* là nói trại của *đười* (*con đười ươi, cùng họ với khỉ, tườu*) vì các cô điếm đầu tóc bù xù, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi. Giải thích này nghe không xuôi tai vì phần đông các cô đượi đều ăn mặc hấp dẫn, son phấn, đầu tóc chải chuốt, "*phi dê*" (frisés). Có như vậy mới mong câu được khách chứ. Đầu bù tóc rối như đười ươi (mà đã có ai được thấy đầu tóc đười ươi chưa nhỉ?), thì đến tượng đồng đen, cột nhà cháy nó cũng chê, thì làm sao mà bán trôn nuôi miệng được?

Có lẽ *đượi chỉ là biến âm của đĩ* mà thôi. Đọc trại với ý khinh bỉ và phân biệt. *Đượi là me tây, đĩ là me ta*. Đượi và đĩ còn có tên là *gái ăn sương*.
Tên nghe khá lãng mạn, nói lên được nỗi vất vả lúc đêm khuya thanh vắng.

(Xướng ca vô loài – Nguyễn Dư)

Câu đố dân gian

Đầu đội giáp ất,
Miệng ngậm bính đinh,
Cổ đeo canh tân,
Bụng mang nhâm quý,
Thân là mậu kỷ

(cái ống điếu)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhớ Chóe và thơ - 1

Em vứt đi ngọn lửa
Ta từ bỏ kiếp rơm
Để đời sau không còn là tro bụi

Đó là bài thơ ngắn của một họa sĩ nổi danh trong làng mỹ thuật Nguyễn Hải Chí (tức họa sĩ Chóe). Đã 5 năm, họa sĩ Chóe rời xa cõi nhân gian đầy màu sắc. Chóe trong ký ức tôi chỉ như một chớp hiện. Chỉ một chớp hiện thôi nhưng đa dạng và sắc nét.

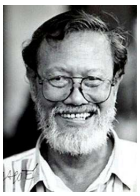

Họa sĩ Chóe tên thật Nguyễn Hải Chí
sinh năm 1943 tại Long An Nam Việt
mất lúc 3g50 ngày 12-3-2003
tại bệnh viện Fairfax Hopital Virginia USA
thọ 60 tuổi.

(Lê Thiếu Nhơn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

So với cái mênh mông của vũ trụ
Thì nỗi buồn của hạt bụi có ra chi.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhớ Chóe và thơ - 2

Tôi vẫn nhớ, tôi nhận được tin ấy từ một cuộc điện thoại trĩu nặng của nhà báo Chánh Trinh. Dù biết họa sĩ Chóe bị bệnh tiểu đường từ lâu và chuyến đi xa chữa chạy cũng hầu như không có hy vọng gì, nhưng tôi vẫn nghe nghẹn đắng.
Và thú thật, dẫu đã ngồi đối diện với họa sĩ Chóe rất nhiều lần và cho đến tận bây giờ, tôi vẫn không thể nào lý giải được tại sao người đàn ông tướng tá đạo mạo với chòm râu quai nón ấy lại có thể vung tay ra những bức hí họa sâu sắc và hóm hỉnh như vậy? Hình dong và tác phẩm của Chóe như hai vùng trời khác biệt, mà người nào muốn hiểu ông chỉ có cách khám phá từng chút.

Người yêu mến nhiều hay người yêu mến ít đều phải thừa nhận Chóe là một người tài hoa. Ông viết truyện, làm thơ, vẽ tranh, sáng tác nhạc…đều có dấu ấn riêng. Chẳng biết có phải may mắn không, tôi từng có lần được Chóe hát cho nghe liền tù tì hơn chục ca khúc bằng chính cái giọng khàn đục của ông, mà tôi còn nhắc tên được vài bài như *Ngả lưng trên đồi, Soi bóng bên hồ, Vô tình mây bay, Bầu trời đáy giếng, Hoa hồng đầy gai…*

Với thơ thì khi cao hứng Chóe cũng đọc một lúc cả chùm, mà toàn là thơ ngắn, ví dụ bài *Mùi môi* vỏn vẹn bốn câu:
Môi em mùi son
Môi em mùi rượu
Giờ uống một mình
Ta pha rượu với son

(Lê Thiếu Nhơn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Sống là khách qua đường
Chết là về cố hương
Trời đất là quán trọ
Bụi muôn đời xót thương.

Bên lề chữ nghĩa

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Ít lâu sau, quả nhiên Dương Nghiễm Mậu đã "phải đi", cùng với anh em văn nghệ sĩ miền Nam. Đi thẳng vào trại tập trung Phan Đăng Lưu. Một lần khác, gặp trên hè đường Tự Do, xế cửa nhà sách Xuân Thu. Mậu, *một cây dù Tú Xương*, tay kia xách một túi giấy, nói ở trong là một cái chăn len, đồ dùng quý nhất còn lại trong nhà, và Mậu đang trên đường ra chợ trời Tôn Thất Đạm bán lấy ít tiền đem về cho vợ mua gạo.
Kể chuyện khốn quẫn mà cười thật vui, nét mặt sinh hoạt, ánh mắt riễu cợt. Sau 1975, tôi đã nhìn thấy ở nghệ sĩ ta một số bản lĩnh chói loà. Những phong thái trầm tĩnh, những bản ngã dũng liệt, trong nghịch cảnh mới như một đường kiếm tuốt ra khỏi vỏ, mới lấp lánh hiện hình. Nhưng tươi tắn, vững vàng và trong sự trẻ trung đặc biệt, gần như không có tuổi, thì là Dương Nghiễm Mậu thôi. Chỗ này là chỗ nói đến võ công thâm hậu, đến tư duy đạt thành và kín thầm nhưng đoán thấy, sự kiêu hãnh tuyệt của người nhà văn nơi Dương Nghiễm Mậu.

Lần sau cùng gặp, thời gian này Mậu vừa được trả tự do, là *chiếc dù đen hiền triết* tôi nhìn thấy ở trước rạp chiếu bóng Trương Minh Giảng. Lần đó, kẻ bên này đường, kẻ bên kia, tôi đang bị truy lùng ráo riết, nên chỉ nhìn nhau gật đầu, vẫy tay chào không ai đứng lại. Khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tôi nhớ vừa đi vừa còn nhìn lại, nhìn *cây dù đen văn chương* xa dần, lòng đầy quý mến.

Bạn hữu còn kể ít nhiều chuyện về hơn một năm lao tù của Mậu ở Phan Đăng Lưu. Như về cái thái độ trầm tĩnh của Mậu đã có một ảnh hưởng rất tốt đẹp với anh em cùng tù, đặc biệt là với Nhã Ca, bao nhiêu năm vẫn trước sau kính trọng Dương Nghiễm Mậu như một người anh lớn. Biết Nhã Ca ngạo ngược nóng nảy, Mậu vắn tắt khuyên: "Cô còn phải trở về nuôi tụi nhỏ", và kèm sát Nhã Ca trong những buổi học tập kiểm thảo. Phải nên có thái độ nào như thế nào mới là khôn ngoan, an toàn, nhất nhất Nhã Ca đều chịu nghe theo những chỉ dẫn của anh "Dương Nghiễm Mậu".

Một chuyện ngộ nghĩnh về Phan Đăng Lưu: Buổi sáng hai anh em được trả tự do, Nhã Ca có người đến đón ở cửa trại, Mậu không có ai, Nhã Ca còn 5 đồng trong túi, Mậu không có một đồng nào. Nhã đưa cả 5 đồng cho bạn, để đi xe. Mậu cầm tiền cười lớn: "Anh là ông vua đi bộ ở Sàigòn, cần gì xe cộ nữa" và dùng 5 đồng của Nhã Ca ung dung vào quán uống cà phê. Chi tiết này đủ cho thấy bản lĩnh Dương Nghiễm Mậu trong nghịch cảnh.

(Mai Thảo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Bởi kiếp sống biến ta thành gỗ mục
Ta vươn mình hóa kiếp phong Lan.

Chia tay Thương xá Tax

Tôi biết đến Thương xá Tax từ năm 1953 khi gia đình từ Bắc di cư vào Nam. Tax đã hiện diện tại Sài Gòn từ năm 1880 trong thời Pháp thuộc với cái tên “Cửa hàng Charner” (Grands Magasins

Charner – GMC) tại góc của hai con đường Charner (Nguyễn Huệ ngày nay) và đường Bonard (Lê Lợi).

Trước đó, đường Bonard (Lê Lợi).mang một cái tên rất bình dân: "Đường 13". Đó chỉ là *một con đường trong một xóm nhỏ mà cư dân địa phương thời đó gọi bằng một cái tên cũng dân dã không kém: "Xóm Thơm"*. Mãi đến năm 1955, thời Tổng thống Diệm mới đổi tên đường Charner thành Nguyễn Huệ, đường Bonard trở thành Lê Lợi. Hai tên đường từ đó mang tên các danh nhân Việt thay thế những ông tướng Pháp.

(Trần Thị Vĩnh Tường)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Dương Kiền

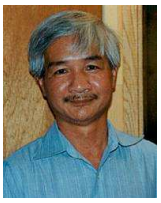

Dương Kiền: Tên thật cũng là bút hiệu của ông. Ông sinh ngày 28-12-1939 tại Huế Mất ngày 17.11,2015 tại Bergen, Na Uy. Tốt nghiệp đại học Luật Khoa năm 1962, và gia nhập Luật Sư Đoàn cùng năm. Nguyên là chủ bút tạp chí Văn Học (1962-1965) tại Sài Gòn và được giải thưởng Văn Chương toàn quốc 1966 với kịch bản Sân Kháu.

Tác phẩm
Biển trầm lặng (Truyện dài)
Máu của mẹ (Truyện ngắn)
Sân Khấu (Kịch)
Kẻ xa lạ (Dịch)

Thơ
Thú đau thương
Mùa gặt giữa hư vô
Thơ tình cho vợ
Sáu mươi

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Muốn thành công phải trải qua thất bại
Trên đường đời có dại mới có khôn.

213 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cụ Tú Sót chậm rãi: "Thơ không phải lúc nào muốn là bật ra được, nó phải là những cảm xúc căng chật trong lòng, là những nỗi buồn khắc khoải mà không viết ra anh không thể hóa giải nỗi lòng mình được". Ban đầu, cụ Vũ Đình Liên khắc họa hình ảnh *Ông đồ* chỉ bằng một câu vè:
Hàng Bạc đi lên Hàng Bồ.
Trên đường đi học, ông đồ buồn thiu

Nhưng rồi, *có một ngày xuân, nhà thơ đi qua con phố thân thuộc đó, bỗng thấy trống vắng, chỉ còn những bậc thềm hoang lạnh vì không thấy ông đồ đâu nữa.* Nhìn phố xá và dòng người thờ ơ vô tình đang thưởng ngoạn vui xuân, nhà thơ nhận ra vì sao ông đồ đã rời bỏ nơi này. Người đời lãng quên ông đồ, lãng quên luôn nét văn hóa truyền thống. Chỉ kịp nghĩ đến đó, trái tim đa cảm của nhà thơ bỗng bật lên tiếng nấc thương xót kẻ "hàn nho mãi tự":
"Năm nay đào lại nở.
Không thấy ông đồ xưa.

Những người muôn năm cũ.
Hồn ở đâu bây giờ?!".

Sau này, khi bài thơ Ông đồ đã trở thành một tác phẩm văn học về niềm hoài cổ thì có người cho rằng, nếu Vũ Trọng Phụng là ông "vua cười", cười bật máu ra đầu ngòi bút thì nhà thơ Vũ Đình Liên phải là ông "vua khóc", khóc tuôn ra đầu ngòi bút những dòng nước mắt, tiếng khóc lay động cả tâm hồn vô cảm nhất.

Tâm sự lại điều này với người bạn thơ già Tú Sót, cụ Vũ Đình Liên mắt ngấn nước: "Nhưng bạn ạ, có lúc tôi cảm giác bài thơ Ông đồ hình như không phải của mình mà là tiếng nói từ ngàn xưa vọng lại"...

Câu chuyện xúc động này được nhà thơ Tú Sót ghi lại vào một chiếc băng cassette cũ kỹ, thi thoảng, nhớ bạn nhớ cảnh, nhớ tình, ông lại mang ra nghe để ngâm ngợi, đủ thấy mối thâm tình của hai tâm hồn hoài cổ đồng điệu.
Tôi chợt nhớ mấy vần thơ cuối trong bài thơ "Gửi tác giả bài thơ Ông đồ" của nhà thơ Tú Sót:
"Ông đồ sống lại khóc nhà thơ.
Hay là xót mới với thương xưa.
Tiếng nấc nối liền bao thế kỷ.
Nhà thơ nay lại hóa thành thơ".

Những ông đồ hiện đại dù không khăn xếp, áo the nhưng có lẽ sự hướng thiện thành tâm với văn hóa cổ trong họ sẽ là một cầu nối thực tại với quá khứ, để mỗi cái Tết vẫn lưu giữ được hương vị truyền thống ngày xưa.

(Mối tình trong bài thơ Ông đồ - Lê Chánh Thiêm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt
Nghe tiếng cơm sôi đã nhớ nhà.

Xuân Sách: viết chân dung

Mùa hè năm 1982, tôi lên Tam Đảo nghỉ mát vài hôm. Hồi đó khách còn vắng. Một buổi chiều tôi một mình đi dạo trên con đường dưới bóng thông, tôi nhìn thấy nhà thơ Tố Hữu đang đi về phía tôi. Tôi nghĩ ông không biết tôi nên cứ lẳng lặng đi qua ông. Không ngờ ông gọi :
- Xuân Sách đó à?
- Thưa vâng, chào anh.
- Sách lên đây để viết hay sao?
- Dạ không, cơ quan cho đi nghỉ mát ít hôm.
- Ra rứa! Còn mình thì lên đây có việc.

Tất nhiên tôi không hỏi ông việc gì. Ông đặt nhẹ tay lên vai tôi, nói nhẹ nhàng
- Bên công an họ thu thập được những bài ca dao đồng dao, và những truyện tiếu lâm thời bây giờ, có đến gần hai trăm trang đánh máy. Mình lên đây để đọc cho yên tĩnh.
- Thưa anh, anh thấy thế nào?

Tôi hỏi và nhận được câu trả lời khá bất ngờ: *" Cực kỳ phản động, cực kỳ hay"*. Có hai ông Tố Hữu trong câu nói này. Tôi nghĩ vậy và chợt nghĩ giá như lúc này *tôi đọc bài thơ viết về ông mà ông cũng phán một câu như vậy thì tôi yên lòng.*

Xưa nay đã có những nho sĩ nhờ có câu thơ hay, vế đối hay mà thoát chết đó sao. Nhưng rồi tôi không đọc, và đến năm 1992 khi tập thơ được Nhà xuất bản Văn Học ấn hành mọi người mới biết".

Bài thơ chân dung Tố Hữu "nằm chờ" suốt 19 năm đó như sau:
Ta đi tới đỉnh cao muôn trượng
Mắt trông về tám hướng phía trời xa
Chân dép lốp bay vào vũ trụ
Khi trở về ta lại là ta
Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát
Trông về *Việt Bắc* tít mù mây
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt
Máu ở chiến trường, hoa ở đây.

(Đỗ Ngọc Thạch)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngước lên cao để thấy mình còn thấp
Nhìn xuống thấp để thấy mình chưa cao.

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi - 1

Hỏi : *Anh làm việc và giữ chức vụ gì sau khi tốt nghiệp ?*
Đáp : Vào năm 1968, tôi được bầu vào Hội đồng khoa học của Viện. Cũng năm đó, tôi được giao phụ trách Nhóm Thơ văn Lý Trần, chuyên làm bộ sách *Thơ văn Lý Trần* trong 40 năm qua. 1978, được đề cử làm Trưởng ban Ban văn học cổ cận đại của Viện Văn học. 1984, được công nhận Phó giáo sư. 1991, được công nhận giáo sư thực thụ.

Hỏi : *Anh có học chữ Nôm ? Việc học chữ Nôm của anh ra sao ?*
Đáp : Người học chữ Hán bắt buộc phải học chữ Nôm. Chữ Nôm là bộ môn phải học trong khi học chữ Hán.

Hỏi : *Công trình nghiên cứu của anh là những gì ?*
Đáp : Cho đến nay tôi đã có vài chục đầu sách do tôi viết hoặc chủ biên. Cuốn sách công bố đầu tiên là cuốn tôi cộng tác với cụ Nguyễn Văn Huyến *sưu tầm và dịch thuật tất cả các tài liệu về Nguyễn Trãi,* in năm 1963, gọi là *Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi*, gần 350 trang. Tôi chịu trách nhiệm sưu tầm và sao chép những tài liệu có trong thư tịch mà lúc bấy giờ chưa mấy ai biết nhiều. Vì chữ Hán lúc ấy còn kém , tôi chép tài liệu rất vất vả và khổ công, nhưng tìm đọc tư liệu thì không sót. Chép được bao nhiêu, tôi phân loại và đưa cho cụ Huyến dịch. Dựa trên bản dịch của cụ, tôi làm nhiều bảng đối chiếu, chú giải tỷ mỷ và xây dựng thành một hệ thống văn bản tin cậy.

(Thượng Văn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Uống ba chén rượu khoanh tay ngủ
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi - 2

Hỏi : *Quyển Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi như thế nào ?*
Đáp : Hầu hết những ý kiến bình luận về Nguyễn Trãi của những nhân vật tiêu biểu như Trần Khắc Kiệm (thế kỷ XV), Lê Quý Đôn
(thế kỷ XVIII), Phan Huy Chú, Nguyễn Năng Tĩnh, Ngô Thế Vinh, Dương Bá Cung (thế kỷ XIX)... đều được tập hợp vào đây.

Hai bộ sử lớn có viết về Nguyễn Trãi là *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Việt sử thông giám cương mục*, bài tựa bản gia phả Nguyễn Trãi do Dương Bá Cung soạn 1822, những phần "Bình luận chư thuyết" và "Ức Trai sự trạng khảo" trong *Ức Trai di tập* đều được dịch ra, đặt trong đối chiếu và tham khảo tư liệu. Trước đó một thời gian anh Hà Văn Tấn chú giải cuốn Dư địa chí của Nguyễn Trãi, anh Trần Quốc Vượng dịch cuốn *Việt sử lược*, đều là những cuốn sách có tiếng vang rộng rãi. Phương pháp làm việc của chúng tôi là bắt chước cách chú giải tỷ mỷ của các cụ như cụ Hoàng Xuân Hãn, cụ Đào Duy Anh và các cụ khác.

Hỏi : *Anh có tham gia vào việc biên soạn Nguyễn Trãi toàn tập* ?
Đáp : *Nguyễn Trãi toàn tập* là do Viện Sử học đứng ra tổ chức, người đứng đầu là Giáo sư Văn Tân. Cuốn ấy có sự tham gia của người dày kinh nghiệm khoa văn bản học là Giáo sư Đào Duy Anh, nhờ thế bộ sách có mặt mũi và đàng hoàng. Tất nhiên bây giờ tác phẩm của Nguyễn Trãi cần phải bổ sung, phải làm lại văn bản một cách cơ bản.

(Thượng Văn)

Nói lái trong nước

Nhiều cô gái ngây thơ *ôm mộng ban đầu*
để rồi…*ôm bầu đan mộng.*

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Kịch lịch sử"

Trúc Đường

Trúc Đường, tên thật Nguyễn Mạnh Phác (1911-1983) là nhà viết kịch Việt Nam, quê ở thôn Thiện Vinh, xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Mồ côi mẹ sớm, nhà nghèo, ông cùng em trai là *nhà thơ Nguyễn Bính* ra Hà Nội mưu sinh.

Ông sáng tác văn học và chuyên soạn kịch về đề tài lịch sử.
Thái hậu Dương Vân Nga
Cành đào Quang Trung
Hoàng Diệu
Tấm vóc đại hồng

***
"…Còn nhớ một đêm, vở *Tấm vóc đại hồng* của Trúc Đường diễn ở Hà Nội. Có lẽ đêm ấy tác giả hào hứng lắm. Anh giục tôi phải đi xem. Nửa đêm ra về, trên đường lá đa rụng xào xạc thành tiếng lẫn ánh điện và bóng trăng. Tôi nhận ra sức mạnh sáng tạo của Trúc Đường sở trường dựng được những nhân vật khá lớn Trần Thủ Độ, Lê Hoàn, Quang Trung…, những quang cảnh lớn bằng Hội thề Đông Quan, cuộc tụ nghĩa Lam Sơn, điện Diên Hồng..

Tôi còn thấy những vương vấn, bâng khuâng, những thiết tha thấp thoáng bóng trúc, ngõ tre, bến

nước đò ngang. Một cô gái canh cửa. Một ông tiều. Một quán nước bên đường, những vai phụ, một cảnh thoáng qua, ví như một nét nhướn mày của người đàn bà họ Dương vốn kiên nghị, tài sắc. Nhưng tôi lại tưởng như đấy mới là tâm sự người viết. Người viết nào chẳng gửi tâm sự vào sáng tác của mình niềm vui, nỗi hờn của tâm sự, của tấm lòng vào một cảnh, một vấn đề trong sáng tác. Cái lớn của sự sáng tác được góp lại từ một mảnh chấu, một hạt kê vì từ những đam mê những thương cảm đến không bao giờ nguôi của người nghệ sĩ. Người viết nào chẳng vậy. Với Trúc Đường, cái tên của hình ảnh vách trúc nhà tranh đơn chiếc ước mơ. Khóm trúc thêu tuôn dòng lệ cũ. Con thuyền… đấy là Trúc Đường ư?

Một hôm, tôi nói với anh như vậy. Anh cười hiền lành như mọi lúc, rồi bảo tôi: "Thằng này thế mà quái quỷ." Tôi hiểu có thể là anh có ý khen tôi". Anh mất năm 1983, thọ 72 tuổi

(Alger Tháng tư năm 1983 - Tô Hoài)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Thương em chẳng dám vô nhà,
Thập thò ngoài ngõ hỏi…gà bán không?

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Từ chèo và kịch"

Lịch sử chèo

Từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, họ đã diễn các vở chèo đầu tiên trên sân đình. Kinh đô *Hoa Lư-Ninh Bình được coi là đất tổ của sân khấu chèo,* và người sáng lập là *bà Phạm Thị Trân*, một vũ ca trong hoàng cung nhà Đinh vào thế kỷ 10. Chèo bắt nguồn từ múa hát dân gian, *nhất là trò nhại*. Qua thời gian, người Việt đã phát triển *các tích truyện ngắn của chèo dựa trên các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn.*

Sự phát triển của chèo có một mốc quan trọng từ một người lính Mông Cổ bị bắt ta bắt làm tù binh vào thế kỷ 14. Người lính này vốn là một diễn viên nên đã đưa nghệ thuật vừa múa vưa hát hát của người Mông Cổ (nhà Nguyên) mang vào nước ta.

Tới thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở dân gian. Những vở chèo nổi tiếng như *Lưu Bình Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính*… xuất hiện trong giai đoạn này.

(Quan âm trò, tên khác *Mẹ Đóp*)

Từ chèo qua kịch
Đầu thế kỷ 20, chèo được đưa lên sân khấu thành thị trở thành chèo "hiện đại" với một số tuồng tích mới ra đời dựa theo tích truyện cổ tích, truyện Nôm như Tô Thị, Nhị Độ Mai, v…v…
Thế kỷ 20, chèo được đưa lên sân khấu đôi khi được gọi là *"tuồng", từ "tuồng" bắt qua…"kịch" hiện đại*

Trấn Kinh Bắc

Có thuyết cho rằng: "Trấn Kinh Bắc được thành lập vào thời vua Lê Thánh Tông năm 1469 vì rằng sau chận chiến với quân Minh của Lê Lợi, để bảo vệ thành Thăng Long, vua Lê Thánh Tông cho lập bốn trấn chung quanh hoàng thành là Trấn Hải Dương, Trấn Sơn Nam hạ (Nam Định), Trấn Sơn Nam Thượng (Hưng Yên) và Trấn Kinh Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh).

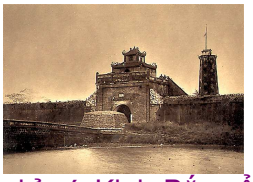

Minh Mạng, đổi trấn Kinh Bắc thành tỉnh Bắc Ninh. Do có đường quốc lộ lên ải Bắc chạy qua, nên vị trí của Bắc Ninh rất hệ trọng. Vì thế, năm 1884, Pháp đánh thành Bắc Ninh hoàn thành công cuộc bảo hộ.

Tục ngữ có câu "ăn Bắc, mặc Kinh": Kinh là kinh đô Thăng Long, còn Bắc đây chỉ xứ Kinh Bắc cổ xưa với thành Cổ Loa và thôn Cổ Pháp,quê hương của Lý Công Uẩn, người sáng lập ra triều Lý. Đời vua Lý Anh Tông, nhà Tống thừa nhận nước ta qua tên An Nam Quốc. Vì vậy không thể phủ nhận Bắc Ninh là cái nôi của lịch sử nước nhà từ khi lập quốc cho đến ngày nay.

Thăng Long - Hà Nội xưa

Sau nhiều năm chiến tranh đã diễn ra liên tiếp tại kinh thành Thăng Long cho nên Văn Miếu - Quốc Tử Giám dã bị hưhại đổ nát. Đời Tây Sơn khi vua Quang Trung ra Bắc dân chúng sở tại đã dăng số xin triều đình sửa sang tu bổ. Vua đã phê vào tờ sớ hai câu thơ bằng chữ Nôm như sau: *"Nay mai dựng lại nước nhà, Bia Nghè lại dựng trên toà muôn gian"*. Đời Nguyễn: Năm 1804, sau khi vua Gia Long lên ngôi, đã chuyển kinh đô vào Huế, Văn Miếu chỉ còn lại ở trấn Bắc Thành. Quốc Tử Giám được chuyển vào Huế. *Năm 1805, tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành* đã cho tu sửa Văn Miếu *và xây dựng thêm Khuê Văn Các*..

Về hai tấm bia trong hai bi đình trên sân Văn Miếu (Huế) ghi khắc các nội dung khá đặc biệt: Tấm bia bên trái khắc bài Dụ của vua Minh Mạng đề ngày 17 tháng 3 năm 1836 nói về *các thái giám trong nội cung thì không được liệt vào hạng người có thể tiến thân*; còn tấm bia bên phải khắc bài Dụ của vua Thiệu Trị đề ngày 2 tháng 12 năm 1844 nói rõ rằng *bà con bên ngoại của vua không được nắm những vai quan trọng trong triều đình*.

Hai nội dung nầy khiến cho ta suy nghĩ. "thái giám" là những công bộc phục vụ trong cung, chịu nhiều hành hạ về thể xác, để phục vụ vua lại mất hết con đường tương lai trong công danh.

(Văn Miếu và Quốc Tử Giám – Kiêm Thêm)

Tục hát *úp đèn* thờ thần, *điểm ngực*

Những tài liệu dưới đây được viết bằng chữ Hán – Nôm, là những ghi chép về dân tục của vùng Kinh Bắc, năm Khải Định thứ 5 (1920), do Viễn Đông Bác Cổ thu thập:
Làng Ném Thượng có tục giết lợn tế thần. Tối hôm đó mời đào nương đến hát. Khấn xong, mọi người cùng lễ bái thần, 3,4 người kỳ mục ngồi ở gian giữa, đánh trống xem hát. Đào nương đứng ở ngoài hương án ca hát. Hát đến chừng 2 giờ đêm. Một người kỳ mục bưng đĩa đèn đứng thẳng trên mặt đất giữa đình*, lấy một cái chõ úp lên trên đèn, trong đình, trong cung ấy tối om om.*

Một người kỳ mục ngồi ở gian chính giữa mới nhảy xuống *sờ ngực người đào nương.* Còn đàn ông đàn bà người nào người nấy thấy đèn bị che đi, lại thấy kỳ mục sờ ngực đào nương thì *các đàn ông cũng sờ ngực đàn bà.* Khoảng ba phút đồng hồ thì có một người nhấc cái chõ ra, đèn lại sáng. Mọi người không sờ ngực nữa, lại ngồi nghiêm chỉnh như cũ để nghe hát…

(Nguyễn Xuân Diện)

Chưa…hỏi đã…ngã

Vấn đề: Dùng tự điển để tra dấu hỏi ngã được không?
Tự điển cũng không 100% chính xác. Có khi *cùng một từ mà tự điển này viết khác tự điển kia.* Tự điển cũng chỉ là một trong những phương tiện để viết chính tả, nhưng tự điển cũng không thuận

tiện lắm, vì cứ viết một chút lại phải tra tự điển mất hết mươi phút, thì còn hứng mà viết. Có tác giả viết nguyên cả một cuốn sách vài trăm trang để chỉ dẫn hỏi ngã cho thiên hạ. Nhưng người viết sách với qui tắc hỏi ngã không thấy được cái khó khăn của người miền Nam, nên nêu ra *hằng lô qui tắc, hằng trăm từ có hỏi ngã phải học thuộc lòng, và tin rằng ai cũng nhớ được.*

Vấn đề: Cứ theo giọng nói mà viết hỏi ngã.
Có người cho rằng viết hỏi ngã rất dễ, cứ lần theo giọng người ta nói, từ nào lên giọng là dấu ngã, từ nào xuống giọng là dấu hỏi.

Giải pháp: Khi viết có người đứng kề bên để nhắc? Mà ai nhắc? Ông này là người Trung hay Nam thì không khá hơn. Phần đối thoại dưới đây nghe lỏm được, *xin để ý đến dấu ngã, dấu hỏi*:

Tối lửa tắt đèn, vợ nói với bồ:
"Muốn cỡi thì cởi nhanh lên, làm gì như là rùa vậy hã?".
Bồ nhỏ nhẹ:
"Khẻ chứ, cởi nhanh thế nào được nhẻ?".

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ăn trộm có tang, chơi ngang có tích
Nói những kẻ gây rối trong xã hội.

Không đúng! Tục ngữ ý nói: những việc làm phi pháp bao giờ cũng *để lại dấu tích, tang chứng*, cuối cùng sẽ bị phát hiện. Cần phải có chứng cớ cụ thể, rõ ràng mới quy tội cho người ta được. Cho nên người thi hành luật pháp coi trọng tang chứng hơn lời khai báo (Trọng chứng bất trọng cung).

(Hoàng Tuấn Công)

Công dã tràng

Công dã tràng, ý nói có gắng công cũng vô ích.
Tục truyền có chàng thợ săn tên Dã Tràng, một ngày kia nhìn thấy một cặp rắn. Khi con rắn cái lột da thì rắn đực đi tìm đồ ăn mang về. Nhưng khi rắn đực lột da thì *rắn cái bèn bỏ đi tìm rắn đực khác.* Dã Tràng bất bình bèn bắn chết rắn cái. Rắn đực đi tìm vợ, gặp Dã Tràng mới hiểu ra vợ mình xấu xa. Rắn đực bèn trả ơn Dã Tràng bằng một viên ngọc lạ, mỗi lần Dã Tràng ngậm viên ngọc này thì có thể nghe và hiểu được tiếng nói của loài vật.

Vua cho đòi Dã Tràng tới, mượn viên ngọc của chàng, ngậm viên ngọc, nghe được các loại cá mực hát rất hay vua bật cười, viên ngọc bị rơi xuống biển. Dã Tràng tiếc viên ngọc, ngày đem ngụp lặn tìm kiếm, kiệt sức chết. Dã Tràng biến thành *một loài cua bể* ngày đêm tha cát lấp biển để tìm lại viên ngọc đã mất.

Dã Tràng tha cát lấp bể, sóng biển lại đánh vào nên trong dân gian Việt Nam có câu:
Dã Tràng xe cát biển đông,
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì

Học lại chữ Hán

Còn đây là một thắc mắc mà tôi tự tìm hiểu lấy chớ không có hỏi ai nữa hết. Câu hỏi của bài thơ Đường "Lương Chân Từ" là:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi.
Toàn thể dịch giả ta đều dịch *dạ quang bôi ra là "chén ngọc"* kể cả ông dịch giả được xem là thành công nhất về bài đó, là ông Ngô Tất Tố, cũng dịch là: *Rượu bồ, chén ngọc sáng choang.*

Tôi hơi ngạc nhiên, vì hồi còn là học trò trung học, tôi có học về địa chất, và không thấy ở đâu có nói đến loại ngọc nào mà dạ quang (sáng ban đêm) hết. Như thế thì có thể là khoa học thái Tây mà tôi học sai chăng ? Thế nên tôi cứ đọc những gì mà người Tàu viết về các thứ ngọc. Nhưng cũng chẳng thấy ngọc "sáng ban đêm" ở đâu cả.

Đến khi tôi học tới Kinh Thi, thì tôi thấy có thơ cổ nói về *loại chén rượu chế tạo bằng sừng con tê ngưu*. Sách chưa nghĩ rằng hồi cổ thời, người Tàu *khoét sừng con tê ngưu để làm chén uống rượu*. Sự thật là đây. *Sừng con tê ngưu chứa đầy dẫy chất lân* (tinh). Và chính loại chén đó mới sáng ban đêm bởi chất lân, ở trong bóng tối sáng lên trước mắt ta.

Dược khoa Tàu đã giỏi từ thời cổ, và họ dã dùng chất lân để trị bịnh liệt dương. Ngày nay y học thái Tây cũng thường trị bịnh liệt dương bằng chất lân. Thế nên *Tàu xưa mới dùng chén bằng sừng tê ngưu, mong chất lân của sừng tê thấm vào rượu, để họ uống mỗi hôm hầu được tráng dương*
Chuyện chén rượu bằng sừng tê không phải là huyền thoại đâu.

(Bình Nguyên Lộc)

Chim sa cá lặn

Ngày nay, mọi người đều hiểu thành ngữ này là một cách nói ngoa dụ để chỉ người đàn bà rất đẹp, giống như cách hiểu thành ngữ "hoa hờn nguyệt thẹn", tức đẹp tới mức hoa phải hờn vì kém sắc, trăng phải thẹn vì kém tươi. Nhưng thật ra ý nghĩa ban đầu của thành ngữ này không phải vậy

Trang Chu, hay thường gọi là Trang Tử, người đời Chiến Quốc học thức rất uyên bác, không môn gì không biết. Trong sách "Nam Hoa Kinh", ông chép rằng: Mao Tường và Lệ Cơ là hai người đàn bà đẹp, *cá thấy: chìm vào chốn hang sâu, chim thấy: bay cao* (ngư kiến chi nhập thâm, điểu kiến chi cao phi). Ý Trang Chu muốn nói rằng mọi sự trên đời đều là tương đối, Mao Tường, Lệ Cơ tuy đẹp, song chỉ đẹp đối với người, chứ biết đâu trông thấy họ, *cá chẳng sợ mà lặn sâu, chim chẳng sợ mà bay cao* ?

Người sau hiểu khác hẳn nguyên ý ấy của Trang Chu, sách "Thông Tục Biên" dùng thành ngữ *"trầm ngư lạc nhạn" tức "chim rơi cá chìm"* chỉ người đàn bà cực đẹp.

Vạn

Vạn: *làng chài.*

Trong từ điển của Alexandre de Rhodes xuất bản năm 1651, vạn được định nghĩa là "nơi tụ tập nhiều thuyền bè để buôn bán".
Nó còn chỉ tập hợp những người làm chung một nghề như vạn buôn, vạn xe, vạn cấy…

(Làng xã Việt Nam – Nguyễn Tùng)

Chuyện đôi đũa - 1

Theo nhiều sử liệu nghiên cứu về đôi đũa thì người dân vùng Hoa Nam thuộc giống dân Bách Việt là dân tộc đầu tiên phát minh ra đôi đũa dùng để gắp thức ăn. Trong quyển L'histoire

culturelle de la Chine, sử gia Đàm Gia Kiện xác nhận *người Tàu* (trước Tần Thỉ Hoàng) *vẫn còn ăn bốc* tức đưa thức ăn vào miệng.
(Đàm Gia Kiện, L'histoire culturelle de la Chine – p.769)

Chỉ khi họ bành trướng lãnh thổ về phương Nam, vùng đất của dân Bách Việt đất ấm áp, nơi có nhiều rừng tre và trồng được lúa nước, người Hán khám phá ra dân nơi nầy dùng một dụng cụ thô sơ bằng tre, dùng để và cơm và gắp thức ăn đưa vào miệng.

Đôi đũa được phát sinh qua hình ảnh cái mỏ con chim ngậm giữ …hột lúa hay một con cá, trước khi đưa vào miệng ăn.

(Lê Quốc)

Chữ là nghĩa

Bắt đầu từ địa danh Hòn Gay tôi khoái chí tử! Hầu hết các cách giải thích đều không dược người ta thỏa mãn! Tôi đi tìm mấy ông Tây tới thám hiểm đầu tiên. Tôi nắm đầu cái ông Tây đầu tiên ghi tên nơi này. À! Thì ra *Kon gai*:
Cái ông Tây đầu tiên thấy cái hang đẹp quá! bèn chỉ hỏi người bản địa. Thế là người bản địa trả lời: *Con gái*

Ngày nay vẫn còn hang con gái đó! Quí vị nào không tin thì cứ việc đi tìm ngữ nghĩa của Hòn Gay, Hòn Gai, Hồng Gai...

(Tự điển dân gian - Chân Diện Mục)

Chuyện đôi đũa - 2

Một người Tây Phương, Ô. G. Charles, trong tác phẩm: "La table du dragon" hết sức ca tụng đôi đũa và thức ăn Á Đông. Ông viết: "Người ta tự đào huyệt chôn mình bằng chiếc nĩa, nhưng ngườ ta xây dựng sức khoẻ của mình với đôi đũa (On creuse sa tombe avec la fourchette, mais on construit sa santé avec les baguettes).

Tác giả nhận xét cung cách ăn uống của mấy ông con trời:
"Bữa ăn được xem là khoảng thời gian xum họp, vui vẻ, nên người Tàu gây nhiều tiếng động ồn ào trên bàn ăn. *Xương xẩu, rác rưởi bỏ bừa bãi bên cạnh chén cơm* hoặc *vứt đầy xuống mặt đất.* Chiếc bàn sau bữa ăn giống như một bãi chiến trường ngỗn ngang xác chết.." (G. Charles, La table du dragon).

(Lê Quốc)

Hát thờ thần và hát nằm với nhau

Làng Diềm là một trong những nơi của hát Quan họ. Nam nữ làng ấy làm một hội hát, con trai con gái đến đình thờ thần, rồi đến đêm thì cùng nhau về nhà chị cả, hát với con trai làng Hoài Bão. Đêm ấy làng này con gái có chồng và con gái chưa chồng cũng đều đến nhà chị cả. Chị cả sai người nhà làm tiệc rượu mời các chàng trai xã Hoài Bão ăn uống no say, sau đó mới hát.
Đến sáng thì tắt đèn trong nhà, trai gái cùng nằm mà hát.

Lúc tắt đèn, người con trai thuận tình với người con gái nào thì hát với cô ấy. Nếu chàng trai con gái nào yêu nhau, *giả vờ đi ra tiểu tiện ở ngoài nhà, cùng đi ra ngoài nhà mà giao phối.*

(Nguyễn Xuân Diện)

Chưa…hỏi đã…ngã

Với giọng chuẩn, quan niệm chung cho rằng dân Nam Kỳ thì bê bối nhất, Trung Kỳ thì còn khá một chút, chớ Bắc Kỳ thì hoàn hảo trong việc sử dụng hỏi ngã. Vì giọng của người ta khi sinh ra vốn đã "chuẩn" rồi nên viết đúng chính tả.

Nhưng thế nào là chuẩn?
- Chuẩn là nói đúng. Đúng hay sai là phải có cái gì làm chuẩn để có thể so sánh. Người Bắc dùng rất nhiều từ Hán Việt trong khi miền Nam chỉ dùng tiếng Việt, và không có tiêu chuẩn nào để cho là từ Hán Việt đúng hơn tiếng nước ta. Bình Nguyên Lộc viết rằng *từ Hán Việt chỉ là tiếng Tàu nói sai giọng.*

- Chuẩn là là có tỉ số dân nói nhiều nhất. Nếu thế thì phát âm miền Nam đúng tiêu chuẩn nhất, vì phát âm miền Bắc chiếm độ 30%; miền Thanh Nghệ Tĩnh chừng 15%; miền Nam chiếm 55% từ Nha Trang đến Cà Mau. Nói miền Nam chuẩn hơn thì hơi lộng ngôn một chút. Chuẩn phải là một cái gì khác.

Tại sao chỉ có miền Bắc viết đúng? Ai có thẩm quyền quyết định hỏi ngã? Nhưng ít ai nói đến vì vô tình, hay cố ý tảng lờ.

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Bên lề chữ nghĩa

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Một chuyện ngộ nghĩnh khác, về Phan Đăng Lưu. Chẳng hiểu vì lý do nào cùng với Lê Xuyên tác giả Chú Tư Cầu, Mậu là *một trong hai tù nhân văn nghệ bị quản huấn bỏ quên lâu nhất*. Mãi gần nửa năm sau, mới được gọi tên.
Cuộc thẩm vấn tức cười không thể tả được:
- Dương Nghiễm Mậu. Tên thật Phí Ích Nghiễm.
- Sao lại những hai tên?
- Một tên cha mẹ đặt. Một tên vì nghề nghiệp.

Quản huấn lắc đầu, Mậu không có một hồ sơ tội phạm. Đành hỏi:
- Anh bị bắt vì tội gì?
- Tôi không biết.
- Vô lý. Phải có tội mới bị bắt. Anh làm nghề gì?
Mậu nửa đùa nửa thật:
- Nghề văn nghệ sĩ.
Tên quản huấn dốt nát chẳng hiểu nghề văn nghệ sĩ là cái nghề quỷ gì, nhưng nét mặt rạng rỡ:
- Có thế chứ. Vậy tôi ghi vào hồ sơ tội trạng anh, tội anh là *tội văn nghệ sĩ.*

Tội văn nghệ sĩ. Tếu thật. Nhưng cũng là sự thật. Tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, sau 1975, cũng bị đem ra trưng bày tại phòng Triển Lãm Tội Ác Mỹ Ngụy. Nội dung những tác phẩm Dương Nghiễm Mậu cũng bị đem ra mổ xẻ và đả kích thậm tệ ở các lớp học, các buổi họp và trên đài phát thanh Cộng Sản.

Cái "tội văn nghệ sĩ" do tên quản huấn dốt nát định cho Mậu ở buổi thẩm vấn Phan Đăng Lưu, tôi biết. Mậu công nhận và còn thầm công nhận mãi. Như một ở cùng cảnh ngộ với bằng hữu. Như một tin tưởng vĩnh viễn ở chính mình, và qua bản thân, ở văn chương. Văn chương với Dương Nghiễm Mậu, mang ý nghĩa tốt đẹp nhất và toàn vẹn nhất của một tự thành. Con đường đi vậy là

trước sau thông suốt. Những bước chân đi trên con đường ấy vậy là đã tới. Tôi vẫn nghĩ trở lại cái *truyện ngắn đầu tay Rượu chưa đủ của Dương Nghiễm Mậu tôi nhặt được trong một cái sọt rác* và đăng lên một số Sáng Tạo năm nào.

Đứa trẻ mồ côi im lặng đào đất chơi trò đắp hình sông nước quê hương. Trò chơi tuyệt vời ấy đã hoàn tất. Nó cũng là cái trò chơi chúng ta cùng nhìn thấy là tuyệt vời và đã hoàn tất, *bằng văn chương của người viết văn đi một mình trên con đường mình* là Dương Nghiễm Mậu.

(Mai Thảo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Muốn thành công phải trải qua thất bại
Trên đường đời có dại mới có khôn.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhớ Chóe và thơ - 1

Dĩ nhiên, khi làm thơ, viết truyện hay sáng tác nhạc thì ông dùng tên thật Nguyễn Hải Chí. Còn vẽ tranh ông mới dùng nghệ danh Chóe đã gắn bó với ông từ năm 1969 trên nhật báo *Sóng Thần*.

Nếu lần giở lại lịch sử báo chí Sài Gòn thì trước năm 1975 đã có hai cây bút biếm nổi tiếng là *Ngọc Dũng ký Tuýt* và *Đinh Hiển ký Hĩm*, cho nên tôi dè chừng rằng, khi *nhà văn Viên Linh đề nghị chàng họa sĩ quê gốc An Giang học vẽ ở trường làng Nguyễn Hải Chí lấy hiệu Chóe thì cũng chưa chắc dám tin*.

Lúc sinh thời, Chóe luôn quan niệm cái nghề của ông là hí họa, chứ không phải biếm họa.

(Một trong 6 bức vẽ cuối cùng của họa sĩ Chóe)

Ông suy tư về hành trình cầm cọ mang lại niềm vui cho nhiều người: "Xin bạn hãy cùng tôi gọi con đường này là hí họa, vì hí họa là con đường rộng và lòng ta rộng theo… Trong hí họa cần cả nội dung lẫn hình thức. Không tạo được hình thức sẽ làm hỏng nội dung. Hình thức càng tốt, càng giảm được số chữ phải ghi trong tranh. *Hí họa cần nhất là dễ nhìn, dễ phân biệt,* tập trung làm nổi bật ý chính, *tạo cho người xem chú ý ngay về sự khập khễnh của hình thức rồi mới dẫn dắt họ đến cái phi lý, cái lố bịch của nội dung*".

Họa sĩ Chóe cũng có vẽ tranh sơn dầu, vẽ phong cảnh và vẽ chân dung, nhưng thành tựu cả đời ông vẫn là hí họa. Ông bảo rằng đó là "nghề cười" một cách chuyên nghiệp: "Tôi không cống hiến gì đâu. Tôi làm chưa bằng người làm vườn, người trồng rau. Lớn lên có một nghề và nghề ấy nuôi sống được mình là quá tốt rồi".

(Lê Thiếu Nhơn)

Câu đối lơ mơ lỗ mỗ

Ông ăn nên làm ra, xây lầu tầng ba, gần trời xa đất
Tôi có sao đành vậy, ở nhà cấp bốn, gần đất xa trời

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Nhớ Chóe và thơ - 2

Nửa đầu thập niên 1990, những hí họa của Chóe chiếm lĩnh nhiều trang báo. Mỗi ngày Chóe vẽ cỡ 10 bức hí họa khác nhau đi "bán" cho các tòa soạn. Năm 1997, Chóe bệnh tiểu đường, phải đi Pháp điều trị hai lần, nhưng không thuyên giảm.
Năm 2001, Chóe bị hư hẳn con mắt phải, con mắt trái chỉ còn thấy lờ mờ nên không còn vẽ được nữa. Hơn một năm ròng, Chóe nằm nhà làm thơ, thỉnh thoảng gọi điện bạn bè để đọc cho nghe những câu thơ suy ngẫm như
Khi ta vẽ trừu tượng.
Cái đầu ta hiện thực.
Khi ta vẽ hiện thực.
Cái đầu ta trừu tượng.
Khi ta vẽ em.
Đầu ta bay đâu mất.

Năm 2002, vợ con Chóe đưa ông sang Mỹ với le lói mong mỏi những tiến bộ y khoa mới nhất có thể giúp ông níu kéo sự tồn tại. Ngày 18/1/2003, bác sĩ ở Virginia đã chích thuốc phục hồi thị lực cho Chóe, và tranh thủ được nhìn thấy trở lại trong khoảng nửa giờ đồng hồ, ông đòi giấy bút để vẽ nhoáng nhoàng một mạch sáu bức tranh. Đáng xót xa thay, đó cũng là những tác phẩm cuối cùng của Chóe. Ngày 4/3/2003, Chóe đứt mạch máu não, và lặng lẽ chuồi vào chốn hư vô một tuần sau đấy, ở tuổi sáu mươi.

5 năm rồi, kể từ ngày Chóe đi xa, tôi ngồi viết những dòng này trong bất chợt thảng thốt nhớ bài thơ ngắn của ông:
Em vứt đi ngọn lửa.
Ta từ bỏ kiếp rơm.
Để đời sau không còn là tro bụi.

(Lê Thiếu Nhơn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt
Nghe tiếng cơm sôi đã nhớ nhà.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Lê Hữu Mục

Anh Mục lớn hơn tôi quá một con giáp. Tôi nhìn anh còn hơn cả bậc thầy mình. Anh lúc đó đã có giảng khoa ở Đại Học Huế, đã có sách về Nhất Linh, về Tự Lực Văn Đoàn. Khi tôi mới bước vào ngưỡng cửa của trường Đại Học Văn Khoa thì anh Mục đã có những công trình làm ngẩn ngơ người đọc là bản dịch rất nhuần nhuyễn hai quyển truyện ký viết bằng chữ Hán của người xưa là *Lĩnh Nam Chích Quái và Việt Điện U Linh Tập*.
Hai tập truyện xưa này anh dịch đã rất tài tình, và rõ ràng lại thêm tài hoa trong cách hành văn. Phần quan trọng bậc nhất là phần dẫn nhập ở đầu sách, giới thiệu toàn bộ nội dung để người đọc nắm bắt được những gì tác giả muốn chuyển giao cho người đọc. Tôi rất khâm phục hai công trình sáng giá này của anh.
Trong việc học hành nghiên cứu, anh Mục lúc nào cũng đi trước tôi một đoạn đường dài, chắc chắn bằng kiến thức và bằng tác phẩm chớ không phải đoạn đường dài của thời gian… tôi gọi anh bằng anh vì anh muốn vậy, và tôi giữ cách gọi nầy hơn bốn chục năm nay. Tiếng anh như là tiếng tôn vinh một bậc đàn anh của mình, với sự quí trọng

(Nguyễn Văn Sâm)

214 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Vũ Trọng Phụng, bạn học của Vũ Đình Liên qua đời, ông (Tú Sót) điếu bạn mình bằng vào một bài thơ:
Thiên cổ văn hào anh Phụng ơi!
Ai hơn anh tha thiết tình người
Một thân mang cả muôn vàn nghiệp
Một phận đôi chung vạn ức đời

Tú Sót tên thật là Chu Thành , sinh năm Canh Ngọ (1930), quê ở Diễn Tường, Diễn Châu, Nghệ An. Đây là một vùng quê "có tiếng" về nói trạng của xứ Nghệ. Chu Thành là con út trong gia đình, ngay từ khi lên 6, 7 tuổi đã được tiếp xúc với chữ nho, rồi được học chữ quốc ngữ. Lớn lên, Chu Thành vào bộ đội chống Pháp. Khi Thủ đô hoàn toàn giải phóng, ông về làm việc ở NXB Thanh Niên đến lúc nghỉ hưu (1989).

Cũng bắt đầu từ khi "cầm sổ hưu", Chu Thành - Tú Sót mới chính thức bắt đầu cầm bút lông, và học thêm ở các bậc túc nho đi trước như cụ Lê Xuân Hòa rồi gắn những năm cuối đời của mình với nhóm "Cảo thơm thư hiên" ở góc phố Bà Triệu. Ông đã mãi mãi trở thành "người muôn năm cũ" từ mùa xuân 2006.

(Mối tình trong bài thơ Ông đồ - Lê Chánh Thiêm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngước lên cao để thấy mình còn thấp
Nhìn xuống thấp để thấy mình chưa cao.

Xuân Sách: viết chân dung

Phần một về tập thơ *Chân dung nhà văn*
Đối với các "Bậc trưởng lão" từ thời 30-45, tưởng Xuân Sách sẽ bị mắng mỏ là "phạm thượng", "hỗn láo" hay đại loại như vậy. Nhưng Thơ Chân dung đã nhận được sự đối xử rất quân tử. Như với ba đại gia là Nguyễn Tuân, Xuân Diệu và Hoài Thanh…

Chân dung Nguyễn Tuân
Vang bóng một thời đâu dễ quên
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên
Chén rượu tình rừng cay đắng lắm
Tờ hoa lại trót lỡ ưu phiền.

Cụ Nguyễn, con người vốn thích đùa một cách... cao sang và thâm trầm, thích ăn nem rán nóng bỏng thì gắp lên đặt xuống cái nem, nghe thơ và phán: "Hóm, thằng này hóm"

Chân dung Xuân Diệu
Hai đợt sóng dâng một khối hồng
Không làm trôi được chút phấn thông
Chao ơi ngói mới nhà không mới
Riêng còn chẳng có, có gì chung.

Và phản ứng của Xuân Diệu: Xuân Sách kể:

Một lần gặp Xuân Diệu trong quán bia hơi, tôi nâng cốc bia chúc mừng ông vừa được bầu làm viện sĩ của Viện hàn lâm nghệ thuật nước CHDC Đức, ông chạm cốc: Chúc mừng họ Ngô nhà ta, những bài thơ của cậu đi vào cõi bất tử.

Chân dung Hoài Thanh:
Vị nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên
Thi nhân còn một chút duyên
Lại vò cho nát lại lèn cho đau
Bình thơ tới thuở bạc đầu
Vẫn chưa thể tất nỗi câu nhân tình
Giật mình mình lại thương mình
Tàn canh tỉnh rượu bóng hình cũng tan.

Trong *Lời cuối sách* nhân NXB Văn học tái bản cuốn *Thi Nhân Việt Nam,* nhà phê bình văn học Từ Sơn viết: "Một lần khác, vẫn ở bên giường cấp cứu, chúng tôi bàn về thơ "chân dung nhà văn" đang lưu hành trong giới văn chương. Cha tôi khe khẽ đọc lại mấy câu "thơ chân dung" nói về ông mà ai đó đã đọc cho ông:
Vị nghệ thuật một nửa đời
Nửa đời lại phải vị người cấp trên
"Thi nhân" còn một chút duyên
Chẳng cầm cho vững lại lèn cho đau!...

Đọc xong, cha tôi bình: "Tay này nó biết mình mê Kiều nên nó dùng lối lẩy Kiều để vẽ chân dung mình thì khéo thật. Tuy vậy *câu thứ hai nói oan và nói ác quá.* Cha biết có không ít người nghĩ như thế về cha". Nói xong, cha tôi có vẻ hơi buồn buồn".
Trong bài viết *Lời cuối sách* này, Từ Sơn đã nói rõ tại sao Hoài Thanh lại có cái "nhìn lại" rất nghiêm khắc với "Thơ Mới" và nhất là tự phê phán *Thi Nhân Việt Nam* tới mức như Xuân Sách đã viết "*Thi nhân còn một chút duyên / Lại vò cho nát lại lèn cho đau".*

(Đỗ Ngọc Thạch)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi - 1

Hỏi : *Bộ* Thơ văn Lý Trần *bắt đầu từ bao giờ?*
Đáp : Bộ *Thơ văn Lý Trần* do Viện Văn học chủ trương biên soạn ngay từ khi Viện mới thành lập (1959). Một mảng văn học 5 thế kỷ của ông cha ta gần như trống. Từ thế kỷ X, Ngô Quyền dựng nước, cho đến hết thế kỷ XIV, tức đến năm 1406, người Minh đặt ách đô hộ trở lại. Thơ văn còn lại quá lác đác, không hệ thống, coi như một khoảng trống của lịch sử. Rất nhiều tên sách hiện còn mà sách thì đã mất. Rất nhiều văn bia có giá trị văn học không được ai ghi lại. Học giả Lê Quý Đôn chỉ ghi tên các bia nhưng không chép lại văn bia.

Năm 1968, tôi được giao việc ấy. Gs. Đặng Thai Mai nói : bố tôi cụ *Nguyễn Đổng Chi* đã đi trước một bước rồi. Ông cụ đã soạn ra cuốn *Việt Nam cổ văn học sử* từ năm 1941, chuyên khảo cứu văn học từ đời Hồ trở về trước. Ông chỉ mới ra được một quyển đầu là quyển sử văn học. Quyển hai dự tính sẽ dịch đầy đủ thơ văn Lý Trần. Nhưng ông lại phải tham gia cách mạng nên không làm được nữa. Gs. ĐTM nói : "Bây giờ anh nối tiếp ông cụ và đứng ra đảm đương việc này". Từ đó tôi gạt bỏ việc nghiên cứu Tự lực văn đoàn và Nam Cao mà mình rất yêu thích để chuyên tâm vào công việc được giao.

Hỏi : *Việc đi tìm tài liệu thế nào ?*

Đáp : Quan trọng vẫn là nguồn tài liệu chứa trong thư tịch như các bộ *Việt âm thi tập, Tinh tuyển chư gia luật thi, Trích diễm thi tập, Toàn Việt thi lục, Hoàng Việt thi tuyển, Hoàng Việt văn tuyển* và một loạt thi tập còn lại đây đó.
Ngoài ra là nguồn tài liệu điền dã : văn bia, văn khắc, sách vở tản mác trong dân... Nguồn này bắt chúng tôi phải tổ chức nhiều chuyến đi tìm kiếm khắp nơi, kể cả rừng sâu núi cao, những nơi "khỉ ho cò gáy". Mỗi chuyến đi là một kỷ niệm nhớ đời.

(Thượng Văn)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

So với cái mênh mông của vũ trụ
Thì nỗi buồn của hạt bụi có ra chi.

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Phỏng vấn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi - 2

Hỏi : *Có kế hoạch nào để đi tìm nguồn tài liệu ở ngoài nước ?*
Đáp : Chúng tôi là người đã tìm ra quyển *Việt kiệu thư* (Gò đất Việt) của Lý Văn Phượng viết vào thế kỷ XVI thời nhà Minh. Lý Văn Phượng là nhà sử học người Tàu, biết thu góp tư liệu một cách cẩn thận.
Trong sách đó tôi tìm được ba đạo sắc của Minh Thành Tổ. Đạo sắc thứ nhất ban bố vào năm 1406, gồm 10 điều, trong đó có ghi cụ thể : *các hạng người làm nghề thầy thuốc, thợ thủ công, ca nữ, thầy bói... người Việt, mỗi hạng phải bắt về Tàu bao nhiêu*,

Phải dò xem sự lợi hại của hỏa pháo của cha con họ Hồ (Hồ Quý Ly và Hồ Nguyên Trừng) như thế nào. Hồ Nguyên Trừng là một nhà kỹ thuật giỏi, sau này bị bắt sang Tàu, được bổ dụng làm Tả thị lang Bộ Công, theo cách gọi ngày nay là Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, chứng tỏ họ cũng biết dùng người chứ không phải bạ ai cũng giết.

Tôi quan tâm đến điểm thứ ba trong đạo sắc : "Phàm sau khi đến An Nam, bao nhiêu sách vở của người Nam viết, kể cả sách ca lý dân gian, sách ghi những câu vần vè cho trẻ em học, trừ những gì do Trung Quốc viết ra, tất cả đều phải đốt ngay tại chỗ, một mảnh một chữ chớ để sót. Bao nhiêu bia ký trong nước, trừ những bia do Trung Quốc dựng, đều phải đập ngay tại chỗ, một mảnh một chữ chớ để còn". Những đạo sắc này chứng tỏ dã tâm của Minh Thành Tổ rất ghê gớm, bởi vì ông ta hiểu muốn tiêu diệt tận gốc một dân tộc thì không gì bằng tiêu diệt văn hóa của dân tộc đó.

(Thượng Văn)

Chữ nghĩa làng văn

Tôi hỏi, vậy thì "*Ba người anh từ chiến trường đông bắc. Được tin em gái mất trước tin em lấy chồng*" là những ai? Lê Đỗ Ngọc cho biết đó là các anh Lê Đỗ Khôi, Lê Đỗ Nguyên, Lê Đỗ Khang. Chị Lê Đỗ Thị Ninh, vợ anh Hữu Loan, là em kế anh Khang.

(Một lần gặp nhà thơ Hữu Loan – Xuân Đài)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Uống ba chén rượu khoanh tay ngủ
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.

Chữ nghĩa làng văn

- Màu tím hoa sim anh làm năm nào?
- Việc này nhiều giai thoại lắm, có người bảo mình vừa khóc vừa làm thơ bên mộ vợ, rồi chép vào quạt nan, người lại bảo mình làm ở đơn vị rồi khắc lên báng súng. *Thơ dài thế, làm sao viết vào quạt nan hoặc khắc lên báng súng cho đủ*.
Sự thật thế này: vợ mình mất ngày 29/5/1948, lúc cô ấy mới quá tuổi trăng tròn. Thương quá, đau quá "*Nhưng không chết người trai khói lửa/ Mà chết người gái nhỏ hậu phương*". Nén thương xót vào lòng, *một năm sau mình mới làm ra được bài thơ.*

Được giáo dục chu đáo nên vợ mình rất nết na, cô ấy quán xuyến mọi việc trong nhà, từ cơm nước, may vá…nên cả làng, cả họ ai cũng quý mến. *"Ngày xưa nàng thích hoa sim tím. Nàng vá cho chồng tấm áo ngày xưa".* Còn các câu: "*Chiều hành quân qua những đồi sim. Những đồi hoa sim dài trong chiều không hết. Màu tím hoa sim tím chiều hoang biền biệt*" là nhớ tới cô ấy rất thích màu tím, mỗi ngày lên đồi hái hoa sim tím chưng trong nhà, chưng trên bàn viết của mình.

(Một lần gặp nhà thơ Hữu Loan – Xuân Đài)

Chữ và tiếng nói

Truyện Kiều và các công trình sưu tầm tục ngữ, phong dao, câu đố, hát ví....sách gối đầu giường, tôi thường đọc. Nhưng phải phải chỉ có tuyệt tác của Nguyễn Du và tục ngữ ca dao của dân gian sáng tạo mới đáng đọc, mà ở bất cứ một tác phẩm cổ điển nào chúng ta cũng học được về *nguồn gốc chữ, cách nói và viết* của người ngày trước.

Trong truyện Kiều có chữ "áy": *Một vùng cỏ áy bóng tà.*
Phải đến dịp cuối năm ngoái, tôi về vùng Thái Bình, nghe người dân nói: "Cỏ *áy*", "mạ *áy*" mới biết tiếng "áy" đó là của dân gian, mới nhớ ra vợ Nguyễn Du quê ở Quỳnh Côi.

Rất nhiều chữ, nhiều câu khác ở các truyện, thơ cổ như thế, đáng để nhớ, để học cả. Tuy nhiên không đem tiếng địa phương, tiếng chuyên môn, tiếng lóng vào bừa bãi trong sáng tác. Chỉ nên dùng ở những trường hợp cần thiết, không có không được. Tôi cố viết theo một thứ tiếng phổ biến và hiểu chung dễ nhất. Đối với ngôn ngữ và cả cách nói, giọng nói, cũng đều lấy một nơi làm gốc.
Cũng như, tôi cũng thường sáng tạo ra tiếng, nếu tôi nghĩ những tiếng ấy dễ hiểu và dễ phổ biến. Những cách ấy làm phong phú, giầu có thêm cho ngôn ngữ văn học. Nếu có sai lầm, chỉ khi nào *dùng quá liều theo kiểu chuộng lạ, khoe chữ.*

(Sổ tay viết văn – Tô Hoài)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Kịch lịch sử"

Tào Mạt

Tào Mạt tên thật là Nguyễn Duy Thục, sinh tại huyện Thạch Thất, Sơn Tây.

Khi mới 16 tuổi. Tào Mạt đặc biệt yêu thích văn học Hán-Nôm và tự học để nghiên cứu.
Tào Mạt qua đời năm1993 tại Hà Nội.

Ông để lại khoảng 20 kịch bản chèo, tuy nhiên những kịch bản được nhiều người

nhắc đến là: Lý Thánh Tông tuyển hiền, Ỷ Lan nhiếp chính và Lý Nhân Tông học làm vua, *Bài ca giữ nước…*

(Bài ca giữ nước)

Sở dĩ ông lấy bút danh Tào Mạt vì ông kính phục nhân vật Tào Mạt, là tướng nước Lỗ thời Xuân Thu, được ghi lại trong Sử ký của Tư Mã Thiên và Đông Chu Liệt Quốc. Tướng Tào Mạt nổi tiếng với điển tích cầm chuỳ thủ đe doạ Tề Hoàn Công để đòi lại cho nước Lỗ nhưng vùng đất đã bị nước Tề chiếm.

***

"…Khi Việt Minh ra lệnh phá ngôi đình uy nghi và ngôi chùa Vĩnh Phúc của làng theo chủ trương vườn không nhà trống thì cán bộ huyện là Tào Mạt ngầm ra tay ngăn cản. Ngôi đình và ngôi chùa được giữ nguyên *nhưng Tào Mạt thì bị điều đi học tập một thời gian dài...*Năm 1950, khi cuộc chiến trở nên khốc liệt, Việt Minh ra mặt tận diệt những ai không phải là người của họ, chính anh Thục (tên thật của Tào Mạt) một đêm bên bờ sông Thao, anh đã nói với ông anh tôi (Phan Lạc Phúc) rằng: "Các anh đi đi. Đây không phải là đất của các anh đâu. Đi ngay trước khi quá trễ". Anh em tôi nghe lời dời về Hà Nội rồi vào Nam ngay khi đất nước phân ly. Các anh em tôi sau đó đều trở thành quân nhân quân đội Cộng hòa, chống lại sự xâm lăng của quân cộng sản, trong đó có người bạn thân, người ân nghĩa Tào Mạt.

Năm 1992, từ nửa vòng trái đất, Tôi nhận được thư của anh qua người bạn cùng làng. Lá thư có lời tha thiết: "Các anh hãy cố mà về để anh em còn được nắm tay nhau, kẻo chần chừ thì quá muộn. Anh em ta là những con người làng Nủa, cùng uống nước giếng Bìm mà thành người, trước sau vẫn không thay đổi... Tôi cố sống để được gặp các anh"….
Mãi hai năm sau tôi mới về làng cũ. Và như tôi dự đoán: Quá muộn! Tào Mạt đã chết trước đó một năm. Đứng trên căn gác ở đầu làng, nơi thiết trí bàn thờ Tào Mạt... tôi thắp 3 nén hương, vái 2 vái coi như anh còn sống, mà nước mắt bỗng chan hòa".

(Một thời oan trái – Phan Lạc Tiếp)

Thăng Long - Hà Nội xưa

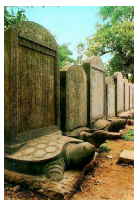

Trước Khuê Văn Các là Thiên Quang Tĩnh, hai bên bờ tả hữu của giếng Thiên Quang là hai dãy bia Tiến sĩ đề danh. Việc dựng bia Tiến Sĩ do vua Lê Thánh Tông khởi xướng vào năm 1484; từ đó mỗi kỳ thi Đình lại được bổ túc thêm vào. Hiện nay còn khoảng 82 bia đời Lê sơ, đời Mạc và đời Lê Trung Hưng. Nếu so với những khoa thi thì *con số 82 bia nầy vẫn còn thiếu*.
Văn Miếu và Đại Thành Điện là hai dãy nhà dài bằng nhau, mỗi dãy có 5 gian 2 chái. Điện cất liền nhau thành một lớp học rộng để làm chỗ giảng sách.

(Văn Miếu và Quốc Tử Giám – Kiêm Thêm)

Cái cười

Giở cuốn từ điển Việt Nam của Lê Ngọc Trụ [*Việt-Nam tự-điển*, Lê Văn Đức và một nhóm văn hữu soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính. Sài Gòn: Khai Trí, 1970 – Văn Việt] ra xem, tôi thấy *có cả thảy 91 từ mục về cái cười*:
cười ầm, cười ba ngoe, cười bao biếm, cười bả lả, cười bí hiểm, cười bỡn, cười cắm cắt, cười cợt, cười chê, cười chớt nhả, cười chúm chím, cười giã lã, cười dài, cười duyên, cười đùa, cười

gay, cười gằn, cười gượng, cười giả dối, cười giòn, cười ghê rợn, cười hả hả, cười hả hê, cười hắt hắt, cười hề hà, cười hề hề, cười hì hì, cười hỉnh, cười hỏm hỉnh, cười hồn nhiên, cười hùn, cười huề, cười khà, cười khan, cười khảy, cười khanh khách, cười khì, cười khinh khỉnh, cười khoái trá, cười khúc khích, cười lả lơi, cười lanh lảnh, cười lạt, cười lão, cười lẳng, cười lén, cười lỏn lẻn, cười man rợ, cười mát, cười mỉa, cười miếng chi, cười mỉm, cười mơn, cười mũi, cười múm mím, cười nụ, cười ngặt nghẹo, cười ngất, cười ngoại giao, cười ngỏn ngoẻn, cười nghiêng ngửa, cười nhạo, cười nhoẻn, cười phì, cười quỷ quyệt, cười ra nước mắt, cười ranh mãnh, cười rặc rặc, cười rộ, cười rúc rích, cười rùm, cười ruồi, cười sặc sụa, cười sằng sặc, cười sâu sắc, cười tích toát, cười tình, cười toe toét, cười tít mắt, cười tủm tỉm, cười thầm, cười thích thú, cười thỏa mãn, cười trây, cười trời, cười vang, cười vỡ bụng, cười xã giao, cười xều xào, cười xộ.

(Trịnh Y Thư)

Học lại chữ Hán

Nhà chơi đồ cổ ở Sài Gòn, cụ Vương Hồng Sển có cho tôi xem một cái chén như thế, nhưng bằng sứ chớ không phải là bằng sừng con tê ngưu, nhại giống hệt sừng của con tê ngưu.
Thế thi cái chén "sáng ban đêm" ấy không hề là "chén ngọc" bao giờ cả, mà là *chén bằng sừng*.
Trong khi nguyên tắc nói là "chén sáng ban đêm" thì chẳng ai hiểu cả. Chữ Tàu rắc rối quá sức, họ viết một đàng mà hiểu một ngã, thì ta tự nhiên phải điên đầu về chữ nghĩa của họ, không có gì phải ngạc nhiên.

(Bình Nguyên Lộc)

Chia tay Thương xá Tax - 1

Ban đầu, mặt tiền của tòa nhà *Grands Magasins Charner*, thường được gọi tắt là GMC, có gắn tháp đồng hồ theo kiến trúc của Pháp nhưng pha trộn những đường nét Á Đông với mái cong trên tháp. GMC kinh doanh các mặt hàng mà thời Pháp thuộc gọi là "bazar", những sản phẩm đắt tiền, sang trọng được nhập cảng từ Pháp phục vụ cho người Pháp tại thuộc địa, và các đại điền chủ Nam kỳ Lục tỉnh. Bên cạnh các cửa hàng buôn bán, GMC còn có "phòng trà" (salon de thé).

GMC tháp đồng hồ

GMC 3 tầng lầu năm 1942

Năm 1942, việc kinh doanh lúc này rất thịnh vượng nên xây thêm một tầng lầu và đập bỏ phần tháp đồng hồ ngoài mặt tiền. Thay vào đó là hàng chữ GMC. Đối với những người Sài Gòn xưa, hình như tòa nhà đã đánh mất vẻ "cổ kính" với tháp đồng hồ.

(Trần Thị Vĩmh Tường)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Không giải thích nghĩa đen, ghi nhầm, hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa thành ngữ tục ngữ trong "Tự điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam " của Nguyễn Lân.

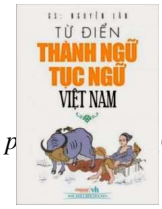

"Bà dì xù xì xó bếp"
Chê những người dì không có tài năng gì.

Giải thích như vậy là lạc đề. Thành ngữ chê người dì *xấu tính* hoặc không đủ *tư cách* làm người dì. Không phải chê *"tài năng"* như GS nói. Câu này đồng nghĩa câu "*Bác xác bác xơ*".

(Hoàng Tuấn Công)

Chia tay Thương xá Tax - 2

Sau ngày Sài Gòn "đổi chủ", Thương xá Tax cũng được "đổi đời". Năm 1981 Tax đổi tên thành *"Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Thành phố"*. Tax khi đó mang tên vừa dài vừa khó nhớ đối với người Sài Gòn vẫn dùng cái tên cũ: *"… đi lên Tax"…"*

Đáng chú ý là *"Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp Thành phố"* đã thu hút một số du khách đến từ các nước Đông Âu nên người Sài Gòn lại có một cái tên "bán chính thức" là *"Chợ Liên Xô"* hay ngắn gọn hơn, *"Chợ Nga"*! Khách hàng Đông Âu nhiều khi đóng thành từng thùng để chuyển về nước những mặt hàng… tư bản.

Đọc đến đây chắc hẳn có bạn đọc thắc mắc tại sao bài viết này lại mang tựa đề *"Chia tay Thương xá Tax"*?. Nếu chú ý theo dõi báo chí trong nước ta sẽ hiểu ngay vì sao sẽ phải chia tay. Báo *Tuổi trẻ*, ngày 20/8/2014, đưa tin trong một bài viết có tựa đề *"Tiểu thương Thương xá Tax "chết đứng"*: Tác giả Trần Thùy Linh *sau khi nhắc lại việc "xóa sổ" khu vực Passage Eden* đã viết:
"Hôm nay, có một nỗi đau tưởng đã lên da non, bỗng bùng lên, dữ dội, khi nghe tin thương xá Tax sẽ vĩnh viễn bị xóa sổ. Một cao ốc 40 tầng hiện đại, sáng choang sẽ mọc lên, thay thế cho Tax già nua cũ kỹ đã 134 tuổi. Khu trung tâm Sài Gòn sẽ còn gì?"

Tôi bỗng nhớ lại một câu nói của ai đó. Câu này đã được dẫn trước bài viết nhưng cũng xin ghi lại một lần nữa để đừng quên:
"Nếu anh bắn vào quá khứ bằng khẩu súng lục,
tương lai sẽ bắn lại anh bằng một khẩu đại bác"

(Trần Thị Vĩmh Tường)

Chưa…hỏi đã…ngã

Trong chữ "*Nhẹ*" vẫn có dấu "*Nặng*"
Trong chữ "*Vững*" vẫn có dấu "*Ngã*"
Trong chữ "*Hiểu*" vẫn có dấu "*Hỏi*"
Chữ "*Ngắn*…dài hơn chữ "*Dài*"

Chưa…hỏi đã…ngã - 1

Ngay cả tiếng Nôm cũng thế, nếu viết đúng *ngả chúi* là sai chính tả. Còn nếu viết sai thành *ngã chúi* thì lại đúng chính tả.

Vì tự điển dùng dấu hỏi cho *nghiêng ngả, ngả nón* nhưng dùng dấu ngã cho *ngã chúi*, ghi đúng theo phát âm lên giọng.
Cả lũ nhưng *lủ khủ, dỡ hổng* nhưng *dở bổng* là thí dụ khác.
Ngoài ra có nhiều từ miền Nam bị sửa lại cho đúng phát âm miền Bắc như *mắc cở* thành *mắc cỡ*, *cù lủ* thành *cù lũ*, *lũ khũ*.

Có hằng trăm từ ba hồi xuống giọng thành hỏi, ba hồi lên giọng thành ngã, không theo qui tắc nào cả, cho đã cái miệng của mình nhưng làm khổ cho cái đầu của người khác. Người Nam và Trung,

viết theo phát âm của mình, nên thường viết sai. Viết trật chính tả là chuyện tự nhiên, viết đúng mới là chuyện hi hữu.

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Chữ là nghĩa

Những tên Thầy, Sài, Sãi... tôi nghĩ chỉ là một (núi Thầy là núi Sài Sơn). Một số học giả Âu Mỹ nói rằng từ Việt Nam tới Đông Nam Á, xưa có thịnh hành những Phật Phái Sãi, Vãi... Những ông Sư này quyền kiêm thế tục như các sư Miên sau này! Tôi thấy rằng ngay tại Bắc Việt xưa các sãi cũng *ăn thịt và lấy vợ*, và các chợ thời đó ở ngay trước cửa chùa.

Chợ Viềng đông đúc và vui... nhộn là một ví dụ:
Em là con gái kẻ Từ
Có chồng bỏ của theo sư chùa Viềng
Đói ăn thịt chó nấu riềng...

Sãi và Vãi thời đó cũng như một thứ phù thuỷ (Pháp sư: Từ Lộ, Minh Không...) có nhiều phép lạ và mọi người phải nghe theo.
Bà Vãi ở Bà Rịa là một ví dụ. Núi Thị Vãi, sông Thị Vãi (*dấu ngã*)
chứ không phải *Thị Vải*. (*dấu hỏi*)

Sách ghi rằng sông Nữ Tăng! Truyền thuyết nói rằng ông Trịnh có tình nghĩa với bà Vãi.

(Tự điển dân gian - Chân Diện Mục)

Chưa…hỏi đã…ngã – 2

Người Bắc viết "Cô Lan lang thang, mới tám tuổi tủi thân khóc ầm ĩ, âm ỷ bỏ ngỏ bừa bãi nhà cửa" vì họ nói y chang như thế. Trong khi đó, người Nam viết "Cô Lang lang thang, mới tám *tủi tủi thân khóc ầm ỉ, âm ỷ bỏ ngỏ bừa bải* nhà cửa", nói thế nào là viết thế ấy. Tại sao dân miền Nam không dùng dấu ngã mà dùng dấu hỏi?

Lý do là người Nam phát âm hỏi hay ngã như nhau nên chỉ dùng một dấu. Chỉ dùng dấu hỏi vì liền sau câu hỏi là dấu (?), nên họ viết "hỏi" với dấu (?), và các dấu ngã đều biến thành hỏi. Người Trung phát âm thanh hỏi và ngã thành nặng nên dùng dấu hỏi y như người Bắc. Đúng là…*đừng hỏi ngã hỏi ngã*

(Đoàn Văn Phi Long – Hỏi ngã)

Bên lề chữ nghĩa

Con đường Dương Nghiễm Mậu

Tin nhà đưa sang cho biết hiện giờ nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã trở thành công nhân một xưởng sơn mài thành phố. Bằng hữu văn nghệ ở Sài Gòn gần như hết thảy đã ngừng viết và đã phải đổi nghề. Để sống. Để có lao động, để được yên thân. Nghe nói *Nguyễn Thụy Long đi đạp xích lô*. Nghe nói *Trần Lê Nguyễn bán sách cũ.* Nghe nói *Nguyễn Đình Toàn nuôi thỏ nuôi gà ở làng Báo Chí cũ*. Tất cả đều dãi dầu, tất cả đều sương nắng. Nghe những tin nhà về bạn bè, thấy lòng xót xa buồn rầu, nhìn thấy những khổ cực đang chồng chất lên những thân thể chữ nghĩa thất thế và đang phải sống giữa chế độ hiện giờ của chúng ta.

Riêng nghe tin Dương Nghiễm Mậu bây giờ làm công nhân một xưởng sơn mài thành phố, không hiểu sao tôi lại thấy vui vui và muốn cười. Có lẽ vì Dương Nghiễm Mậu bao giờ cũng đến với tôi bằng khuôn mặt đó. Khuôn mặt *một người nhắm cả hai mắt lại,* cho cái nhìn trở thành cái nhìn bên trong, cái nhìn tâm hồn, và *nụ cười tủm tỉm hóm hỉnh* là chân dung Mậu ở *tấm hình chân dung ngộ nghĩnh của Trần Cao Lĩnh*. Cũng có lẽ vì tôi thấy Mậu vững chãi nhất, chẳng phải buồn phiền và xót xa cho hắn.

Công nhân một xưởng sơn mài thành phố. *Cây dù đen Tú Xương*. Đúng là cảnh "Sáng vác ô đi tối vác về" rồi nhé. Dương Nghiễm Mậu! Những tấm sơn mài. *Cây dù bên cạnh.* Tôi đang hình dung ra Dương Nghiễm Mậu ngồi một mình một góc trong một xưởng, trước những tấm sơn mài ấy. Muốn hỏi Mậu ở Việt Nam nghìn dặm : "Những tấm sơn mài ấy có vẽ hình sông núi quê hương?" Chắc là có. Không trên tranh thì trong tim, trong hồn, trong thức, trong ý. Và cái nền của sơn thì vẫn là một con đường.

Con đường đi qua đời sống. Con đường đi qua văn chương. Con đường đẹp nhất, vì con đường thẳng tắp. Con đường đẹp nhất, vì là con đường một mình. Cuối cùng là đứa trẻ mồ côi trong truyện ngắn đầu tay *Rượu chưa đủ* của Dương Nghiễm Mậu sự thực không bao giờ mồ côi. Mồ côi là những kẻ khác kia.

(Mai Thảo)

Luận về chữ…ngu

Người khôn không nói cái gì mình nghĩ.
Người khôn vừa vừa, nói một nửa cái gì mình nghĩ.
(Hà Sgn)

Tác phẩm bị vất trong…sọt rác

Nhà văn Mai Thảo đến thăm Trần Phong Giao ở tòa soạn báo Văn. Trong khi hút thuốc lá vặt chờ Trần Phong Giao làm việc. Ông vô tình nhặt được truyện ngắn đầu tiên có tựa đề *Rượu chưa đủ* của Dương Nghiễm Mậu vất trong cái sọt rác, ông mang về đăng ở báo Sáng Tạo.

Ao nghiên ruộng chữ với người trăm năm cũ
Thể loại "Kịch lịch sử"

Vũ Khắc Khoan

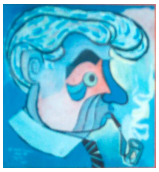

Sinh ngày 27.2.1917 tại Hà Nội. Mất ngày 12.9.1986 tại Minneapolis.
Kịch bản:
Hậu Trường, Thần Tháp Rùa, Ga xép
Thành Cát Tư Hãn, Giao thừa

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Vũ Ánh: Người cuối cùng rời khỏi tàu

Tôi viết những ghi chép về Vũ Ánh, người bạn quý của chúng tôi trong những năm tháng phục vụ ngành truyền thông VNCH. Tôi quen Vũ Ánh từ những ngày đầu cùng chung khoá huấn luyện ở Đài Phát Thanh Saigon 03 Phan Đình Phùng. Rồi cùng làm việc ở Đài cho đến hết ngày 29/4/1975.

Vũ Ánh nhiều tuổi hơn tôi, chẳng nhớ anh mở đường thế nào để tôi dám xưng hô 'mày tao'. Có thể lúc đó tôi không biết Vũ Ánh lớn tuổi hơn tôi và đứng bên cạnh tôi anh cũng khá là cao! Thời độc thân, chúng tôi từng hùn tiền thuê chung một căn nhà ở đường Ngô Tùng Châu, Gia Định. Chính những ngày tháng này giúp tôi nhận ra một Vũ Ánh khác, *một Vũ Ánh rất nghệ sĩ*. Sở dĩ tôi nói thế vì anh khá am hiểu hội hoạ và cũng tập tành cầm cọ.

(Nguyễn Mạnh Tiến cựu Phóng viên Đài Phát thanh Sài Gòn)

Vũ Ánh tên thật Vũ Văn Ánh sinh ngày 5-5 - 1941 tại Hải Phòng. Ông là nhà báo kỳ cựu của làng báo Việt Nam trước năm 1975 cũng như tại Quận Cam từ khi ông sang Mỹ theo diện H.O. vào năm 1992.

Trong 50 năm trời, từ khi mới ra đại học năm 23 tuổi, ông liên tục làm báo cho tới giờ phút chót. Bài báo cuối cùng, "*Hà Nội vẫn chưa đủ niềm tin cởi trói báo chí*", được viết chỉ khoảng vài phút hay vài giờ trước khi ông qua đời.

Ao nghiên ruộng chữ với người trăm năm cũ
Thể loại "Kịch lịch sử"

Đòan Phú Tứ

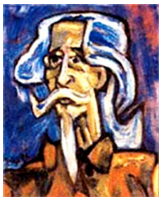

Đoàn Phú Tứ sinh ngày 10-9-1910 tại Hà Nội. Quê quán ở làng Tử Nê, tỉnh Bắc Ninh là một nhà soạn kịch, nhà thơ, dịch giả. Khi viết, ông ký tên thật hoặc các bút danh: Tam Tinh, Tuấn Đô, *Ngộ Không*

Kịch bản
Ghen (1937); diễn tại Nhà hát Lớn năm 1947
Mơ hoa, gồm 6 vở kịch ngắn (1941)
Ngã ba, kịch dài (1943)
Thằng cuội ngồi gốc cây đa, kịch ngắn (1944)

Tác phẩm bị vất trong…sọt rác

Nhà văn Ngọc Giao trong khi đợi đám tang đi qua tòa soạn báo Tiểu thuyết Thứ bảy ở phố Hàng Bông. Ông vô tình nhặt được bài thơ *Hai sắc hoa ti gôn* của T.T.Kh. bị vo tròn vất trong cái sọt rác.

215 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Bùi Xuân Phái và Vũ Dình Liên là đôi bạn tâm giao cùng hoài cảm cảnh xưa người cũ. Trước đó khi họ chưa gặp nhau, tình cờ Bùi Xuân Phái đọc được bài thơ Ông Đồ, họa sĩ có cảm hứng và vẽ bức tranh Ông Đồ xuất thần đến độ chính ông Vũ Đình Liên cũng phải thừa nhận lột tả cái thần hay hơn cả bài thơ của ông.

Sau đó, nhà thơ Vũ Đình Liên có làm bài thơ "Gửi Bùi Xuân Phái"
Người bảo tranh anh vốn sẵn buồn
Như thơ tôi vẫn cứ thương thương
Anh, tôi đâu phải không vui lắm
Nhân thế vì rằng chửa sướng luôn
Còn lẽ loài người da bọc thịt
Há như giống sói mõm phanh sườn

Thiêu thân nghệ thuật là duyên nghiệp
Đốt trái tim trầm gửi gió hương

Một lần Bùi Xuân Phái có việc gấp phải đi ra khỏi nhà, ông đi ra cổng thì chạm trán Vũ Đình Liên đi vào. Bùi Xuân Phái tế nhị, muốn tránh cho bạn khỏi phải nhận lời xin lỗi của mình, ông vội *trèo lên cái cối đá* vốn nằm úp ở sân và *Phái đứng im, giả làm bức tượng.* Vũ tiên sinh lững thững đi qua…"bức tượng" mà không hề hay biết gì.

***

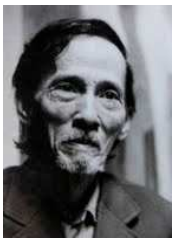

(Bùi Xuân Phái 1920 -1988):

Quê gốc ở Vân Canh, Hoài Đức Hà Đông. Ông tốt nghiệp khoa Hội họa trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khoá 1941 - 1946, tham gia kháng chiến, đồng thời tham dự nhiều triển lãm chung với các họa sĩ khác. Năm 1952 ông về Hà Nội, sống và sáng tác tại nhà (số 87 Phố Thuốc Bắc) cho đến khi mất. Từ năm 1956 đến năm 1957, Bùi Xuân Phái giảng dạy tại Trường Mỹ thuật Hà Nội, khi xảy ra phong trào Nhân văn Giai phẩm, họa sĩ phải đi lao động, học tập trong một xưởng mộc tại Nam Định..

Bùi Xuân Phái là một trong những họa sĩ thuộc thế hệ cuối cùng của sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Ông chuyên về sơn dầu, *đam mê mảng đề tài phố cổ Hà Nội.* Từ lúc sinh thời, sáng tạo của ông đã được mọi người mến mộ gọi dòng tranh này là *Phố Phái.*

Tác phẩm bị vất trong…sọt rác

Nhà văn Trân Thị NgH gửi truyện ngắn đầu tay tựa đề *Chủ Nhật* viết năm 1680, nhưng mãi mấy năm sau mới dám gửi đến báo Văn nhưng bị Trần Phong Giao từ chối. Bà gửi tới tạp chí Vấn Đề của Mai Thảo thì lại được đăng.

Chuyện tự sự trên của nhà văn Trân Thị NgH không thấy bà nói đến…cái sọt rác.

Thân phận nàng Kiều ba chìm bẩy nổi

Linh Mục Thanh Lãng, tác giả Bản Lược Đồ Văn Học VN chia 7 thời kỳ nàng vừa được xưng tụng vừa bị đánh đập như sau:
1. Thế hệ những người cùng thời Nguyễn Du (1788-1820): Kiều chỉ mới là một hài nhi nên những người bạn của tác giả cũng chỉ ngó qua vậy thôi. Chủ yếu là nói nhiều đến nỗi mang nặng đẻ đau hay công phu khó nhọc của tác giả.

2. Thế hệ Nguyễn Công Trứ (1820-1862): Kiều bị chê là con bé ranh mãnh hỗn xược. Một người rất chịu chơi là Nguyễn Công Trứ mà cũng phải hạ những câu độc địa như:
Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Bây giờ Kiều còn hiếu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng lầm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ hiếu mà lầm được ai!

(Khuất Đẩu – Nàng là ai, hỡi Thúy Kiều)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Việt Nam là một nước hơi nhỏ
Trong cái nước hơi nhỏ, có một thủ đô thật to.
Trong thủ đô thật to, có những con đường rất nhỏ
Trong những con đường rất nhỏ, lại có những căn nhà thật to

Lê Hữu Mục - 1

Cảm tình đó tôi có được là do những tác phẩm của anh: nghiêm túc, sâu rộng, đĩnh đạc... Trong giao tiếp với tính cách bạn bè, hay với tư cách của người nghiên cứu đi sau, nhiều người phàn nàn anh Mục về sự khép kín trong việc trao đổi tài liệu, trách anh thường làm việc một mình, được hỏi về chi tiết nào đó trong lãnh vực nghiên cứu của anh, anh ít khi trả lời. Tôi cho rằng mỗi người đã chọn thái độ sống và phương thức làm việc của mình rồi, người nghiên cứu mà khép kín trong sự giao tiếp trao đổi là vì những lý do riêng của kinh nghiệm tự thân.

Cơ cấu giáo dục đại học của VNCH thời 1954-1972 đã ngăn chặn bước tiến thủ của anh Mục về phương diện cấp bằng cũng như ngạch trật. Từ lúc có bằng cử nhân, giữa thập niên 50, đến khi anh có thể thi tiến sĩ phải mất hơn hai mươi năm. Con đường quá dài và vô lý của kẻ sanh không nhằm thời. Những người có trách nhiệm ở đại học thời đó không mở chương trình tiến sĩ vì lý do nầy lý do khác. Khi mở thì cũng mở nửa chừng, Tiến sĩ đệ tam cấp chớ không phải là tiến sĩ quốc gia. Nghĩa là rồi sẽ phải thi thêm lần nữa!

Và tôi được thi cùng lượt với anh nhờ sự xả cản đó: khóa đầu tiên của trường Đại học Văn khoa Sàigòn, 1973, dành cho những người đang giảng dạy ở Đại học Văn khoa mà chưa có bằng tiến sĩ (vì không được đi ngoại quốc, lúc đó người có bằng tiến sĩ là những vị được đi ngoại quốc du học và trở về với bằng tiến sĩ, đệ tam cấp hay Tiến sĩ Quốc gia).

(Nguyễn Văn Sâm)

Luận về chữ…ngu

Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu, bực mình.
(Hà Sgn)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Lê Hữu Mục - 2

Sau đại nạn 75, nhiều mỗi khi gặp người chuyên môn về chữ Nôm nổi tiếng từ miền Bắc vào như Gs Nguyễn Tài Cẩn, hoặc sau nầy gặp ở Paris như nhà nghiên cứu Tạ Trọng Hiệp, tôi phần lớn nghe chính từ cửa miệng họ lời thán phục và kính nể bác/cụ Lê Hữu Mục. Có người còn nói với giọng tri ân rằng những chữ nầy chữ kia tôi đọc được là nhờ bác/cụ Mục. Tạo được cái uy tín đó, có được sự tri ân đó, sở học và sự suy luận của anh Mục chắc chắn là đã có sức thuyết phục thật nhiều.

Nhiều lần nói chuyện với anh, tôi rút ra mấy quan điểm tôi cho là cần thiết cho người trong môi trường chữ Nôm, do anh Mục khám phá được như là kinh nghiệm thực tiễn:
- Chữ Nôm có tích cách lịch đại: *Chữ Nôm được viết ra mỗi thời mỗi khác. Khi đọc bản Nôm phải chú ý đến thời đại xuất hiện của nó. Mỗi thời đại có qui luật cấu tạo riêng*. Cho những chữ Nôm vào cái khuôn thời đại của nó thì ta dễ đọc hơn dầu là chữ đó ta chưa từng gặp và nó cũng chẳng có mặt trong bất cứ từ điển nào.

Anh nhấn mạnh: Cụ Hoàng Xuân Hãn *không để ý đến qui luật thời đại mà chỉ để ý đến miền xuất hiện*. Miền, chẳng hạn Nghệ An, Hà Tĩnh là một yếu tố không gian, nhưng *yếu tố thời gian còn quan trọng hơn, không thể bỏ qua*.

(Nguyễn Văn Sâm)

Luận về chữ…ngu

Trên đời có bốn cái ngu
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.
(Hà Sgn)